

Số: 936 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình giảm ngập nước
giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH
CHƯƠNG TRÌNH
CHỐNG NGẬP NƯỚC TP

CV ĐẾN SỐ 445
Ngày 24/03/12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chương trình hành động số 13-CTrHĐ/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 16/2011/CT-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thực hiện các Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX;

Căn cứ Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố tại Tờ trình số 83/TTr-TTCN ngày 07 tháng 02 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, thiết thực để triển khai thực hiện có hiệu quả ở địa bàn, phạm vi phụ trách.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

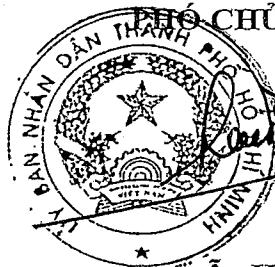
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (HN và TP. HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- Cơ quan thông tấn báo chí thành phố;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng CV; CNN(5b);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (CNN/Tr) D. 245

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín

KẾ HOẠCH CHI TIẾT

**Thực hiện Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 936 /QĐ-UBND
ngày 25 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX; Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh gồm các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Đảm bảo chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành được xuyên suốt, đồng bộ, liên ngành, liên lĩnh vực. Có sự liên thông, kết nối, kế thừa giữa các chương trình, kế hoạch, quy hoạch của thành phố với Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015.

2. Phân công trách nhiệm cụ thể về nhiệm vụ, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành đối với từng cơ quan, đơn vị; các sở - ban - ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các cấp phải tập trung huy động cả hệ thống chính trị để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ.

3. Nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng nhà nước, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội để tạo bước đột phá trong tổ chức thực hiện chương trình.

4. Các giải pháp thực hiện phải hiệu quả, mang tính đồng bộ, vừa đảm bảo phát huy hiệu quả lâu dài, vừa xác định bước đi có trọng điểm, ưu tiên trong giai đoạn hiện nay phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phù hợp với đặc thù của thành phố Hồ Chí Minh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao chất lượng quy hoạch, hiệu quả quản lý quy hoạch, xây dựng:

1.1. Nâng cao chất lượng quy hoạch:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

Trên cơ sở các quy hoạch Chính phủ phê duyệt, gắn kết với kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của Thành phố và kết quả nghiên cứu của các tổ chức khoa học trong, ngoài nước, rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch theo hướng quy hoạch tích hợp để giảm thiểu nguy cơ ngập, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, nâng cao hiệu quả quản lý công tác chống ngập trên địa bàn thành phố.

Xây dựng Đề án tăng cường quản lý các quỹ đất, bảo đảm diện tích mặt nước, hệ thống sông rạch phục vụ tiêu thoát nước và chống ngập; quản lý chặt quỹ đất nông nghiệp, bố trí cây xanh... hình thành 3 tuyến vành đai sinh thái dọc hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè.

1.2. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng:

- Giao Sở Quy hoạch-Kiến trúc:

Xây dựng đề án quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm hồ công cộng bảo đảm diện tích các khu đất ngập nước tại những nơi có địa hình thấp, diện tích sông rạch và tạo cảnh quan đô thị;

Tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010. Hoàn thành quy hoạch xây dựng 1/2000 trên địa bàn thành phố.

- Giao Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Xác định mép bờ cao, hàng lang bảo vệ sông, kênh, rạch để phục vụ cho công tác giải tỏa lấn chiếm kênh rạch làm cơ sở cho việc định hướng đầu tư ưu tiên trong từng giai đoạn.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện tăng cường quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm hồ công cộng; bảo đảm diện tích các khu đất ngập nước tại những nơi có địa hình thấp, diện tích sông rạch và tạo cảnh quan đô thị; tăng cường công tác quản lý đô thị, xây dựng những quy định phù hợp về bù đắp diện tích mặt nước bị san lấp và ngăn chặn việc gia tăng hệ số chảy tràn và quy định các biện pháp chế tài mạnh để bảo vệ có hiệu quả hệ thống công thoát nước, kênh rạch, vùng đệm, vùng điều tiết nước.

Phối hợp Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng những quy định cụ thể về vị trí cần xây dựng tuyến đê, đê kết hợp giao thông trong chỉ giới đường sông theo quy định của Luật Đê điều, Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2004; bảo đảm thuận lợi khi xây dựng, gia cố, sửa chữa; đồng thời hạn chế tình trạng lấn chiếm; bảo vệ an toàn cho tuyến đê và tăng dung tích chứa khi có mưa, triều, lũ.

- Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ di dời, tái định cư cho người dân tại các dự án, công trình đê bao, nạo vét kênh rạch phục vụ tiêu thoát nước; đồng thời kiên quyết di dời các trường hợp lấn chiếm xây cất trên kênh rạch, cửa xả, hệ thống thoát nước. Phấn đấu đến cuối năm 2014 thực hiện cơ bản chương trình giải tỏa các khu nhà lụp xụp trên kênh rạch làm cơ sở cho nhiệm vụ nạo vét, thông thoáng kênh, rạch thoát nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước.

- Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố chủ trì phối hợp với các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện: Xây dựng Quy hoạch tổng thể hệ thống các hồ điều tiết tại khu vực phù hợp. Lập thiết kế, xây dựng một số hồ điều tiết tại Khu Thủ Thiêm (quận 2), đô thị Tây Bắc (Củ Chi), Bình Chánh, quận 12 để rút kinh nghiệm về kỹ thuật; Lập quy hoạch tích hợp để giảm thiểu nguy cơ ngập một cách bền vững.

1.3. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu công tác xóa, giảm ngập nước:

- Giao Sở Nội vụ:

Thực hiện đánh giá thực trạng thủ tục hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thoát nước, chống ngập; kết nối Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015 để đảm bảo thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ chương trình;

Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng xây dựng đề án tập trung đầu mối, thống nhất tổ chức quản lý hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và các công trình kiểm soát triều để quản lý ngập do biến đổi khí hậu, góp phần tạo bước đột phá trong công tác chỉ đạo, điều hành chống ngập trên địa bàn.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tập trung, ưu tiên nguồn vốn ODA cho đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước, thu gom nước thải, các công trình hồ điều tiết, đê bao và các công trình kiểm soát triều; có kế hoạch bảo đảm để phát triển hệ thống thoát nước, hệ thống kiểm soát triều.

- Giao Viện Nghiên cứu phát triển: Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động các nguồn vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng hệ thống thoát nước, đặc biệt là các nhà máy xử lý nước thải.

2. Nâng cao hiệu quả thực hiện các giải pháp giảm ngập nước, từng bước xóa ngập trên địa bàn:

2.1. Thực hiện biện pháp xử lý các điểm ngập:

Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước chủ trì phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận/huyện, các Ban Quản lý dự án, các đơn vị chức năng: Tập trung chỉ đạo xử lý có hiệu quả các điểm ngập nước hiện hữu; thực hiện các giải pháp kỹ thuật thoát nước cấp bách, nạo vét thông thoáng dòng chảy tại các cửa xả, kênh rạch bị lấn chiếm nhằm kéo giảm mức độ ngập.

Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án thoát nước mưa, kiểm soát triều, đê bao...

2.2. Đẩy mạnh các biện pháp kiểm soát, khống chế tình trạng phát sinh khu vực ngập mới:

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải:

Khi thẩm định hồ sơ liên quan đến các dự án phát triển đô thị, xây dựng khu dân cư mới phải được quy hoạch cốt nền phù hợp, xây dựng hệ thống thoát nước đầy đủ, kết nối đồng bộ với hệ thống thoát nước của khu vực.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; khắc phục tình trạng xâm hại gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước hiện hữu và gây ngập do thi công các công trình.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước cũ tại khu vực trung tâm để kết nối đồng bộ với hệ thống mới; bãi, hủy các tuyến cống không còn phát huy tác dụng để khắc phục tình trạng xuống cấp gây lún sập và tái ngập nước. Xây mới hệ thống thoát nước tại 5 vùng thoát nước còn lại và các khu đô thị mới, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm kênh rạch, cửa xả, hệ thống thoát nước bảo đảm diện tích mặt phủ thấm nước và dung tích chứa nước mưa.

Nghiên cứu, xây dựng các quy định về bù đắp diện tích mặt nước bị san lấp và ngăn chặn việc gia tăng hệ số chảy tràn; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các không gian điều tiết nước trong các dự án chỉnh trang và phát triển đô thị; tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng vật liệu lát vỉa hè, công viên phù hợp để tránh bê tông hóa. Rà soát, bổ sung các giải pháp công nghệ quản lý nước mưa đô thị.

Trong quá trình triển khai thi công các công trình ngầm, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị quản lý và sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật có phân ngầm trong quá trình thi công (Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, Tổng công ty Điện lực thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông...) để hạn chế lãng phí đào đường, tái lập mặt đường, thi công riêng lẻ nhiều lần, gây ảnh hưởng rất lớn đến cơ sở hạ tầng, sinh hoạt của nhân dân, mỹ quan đô thị và ảnh hưởng ùn tắc giao thông kéo dài.

- Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới trong thi công các công trình thoát nước, bảo vệ bờ sông, kênh, rạch như đê, kè, v.v... bảo đảm tính bền vững, hiệu quả kinh tế cao và mỹ quan đô thị; nghiên cứu khả năng ứng dụng thực tiễn để đề xuất các công trình đê bao sử dụng cừ vách nhựa uPVC, xác định nhu cầu, đề án sản xuất cừ uPVC;

Xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp các tuyến cống thoát nước để giải quyết tình trạng ngập cho các khu vực đô thị hóa (quận 5, 6, 11, 12, Bình Tân, Tân Phú, Gò Vấp, huyện Bình Chánh), tiến tới hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp hệ thống cống thoát nước khu vực trung tâm, Tây và Bắc thành phố.

3. Bảo đảm tiến độ thực hiện các chương trình, dự án chống ngập trên địa bàn thành phố:

3.1. Đối với các dự án cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống thoát nước giai đoạn 2011 - 2015 (theo Phụ lục 2A - Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố):

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì rà soát, cân đối, bố trí đủ vốn theo kế hoạch hàng năm (dự án chuyển tiếp, chuẩn bị đầu tư, khởi công mới), trong đó có tính đến yếu tố trượt giá, khả năng điều chỉnh danh mục dự án, kế hoạch bố trí vốn đầu tư hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố; trong đó ưu tiên các công trình, dự án phát huy hiệu quả xóa, giảm ngập cấp bách theo đề xuất của Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố. Các dự án trước

khi triển khai phải có ý kiến của cơ quan chuyên ngành quản lý để được kết nối đồng bộ với hệ thống thoát nước hiện hữu, tính toán để giải quyết thoát nước theo lưu vực.

Đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giao cho các đơn vị quản lý, theo hướng:

(1) Dự án có trong danh sách các dự án giao thông vận tải giai đoạn 2011 - 2015 (Phụ lục 1 - Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015 tầm nhìn đến năm 2020): Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì thực hiện kết hợp công trình giao thông với xây dựng hệ thống thoát nước.

(2) Những công trình, dự án cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trực chính hệ thống thoát nước của thành phố: giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước làm chủ đầu tư; ưu tiên giao cho đơn vị thi công ứng dụng công nghệ mới trong thi công cải tạo cống thoát nước cũ để hạn chế thấp nhất khi thi công phải đào đường ảnh hưởng đến giao thông.

(3) Những công trình, dự án cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống thoát nước ở những tuyến đường do quận/huyện quản lý: giao Ủy ban nhân dân quận/huyện làm chủ đầu tư.

- Giao Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung, ưu tiên giải quyết các hồ sơ dự án, khẩn trương thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư về thoát nước trong thời hạn quy định để đáp ứng yêu cầu tiến độ cấp bách của các công trình giải quyết ngập.

3.2. Đối với hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải (theo phụ lục 2B - Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố):

Chủ đầu tư các dự án tập trung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án thoát nước, chống ngập theo bảng Tiến độ thực hiện hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải được ban hành kèm theo Kế hoạch này.

3.3. Đối với nhóm các dự án thuộc Quyết định số 1547/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (theo phụ lục 2C - Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố):

Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước chủ trì phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động giải quyết những vấn đề liên quan đến kỹ thuật, tập trung vốn, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện các dự án đề bao và công kiểm soát triều, nạo vét các kênh rạch thoát nước quan trọng; đảm bảo tiến độ hoàn thành các dự án theo bảng Tiến độ thực hiện các dự án thuộc Quyết định số 1547/2010/QĐ-TTg được ban hành kèm theo văn bản này (16 dự án).

3.4. Đối với các công trình, dự án nạo vét các kênh rạch (theo phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố) **và danh mục bổ sung kênh rạch cần nạo vét:**

- Đối với các kênh rạch đang thi công và đã có dự án đầu tư: các chủ đầu tư phối hợp Ủy ban nhân dân các quận/huyện trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ hoàn thành các dự án theo bảng Tiến độ thực hiện công trình, dự án nạo vét các kênh, rạch được ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Đối với các kênh, rạch chưa có dự án đầu tư:

Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước tổ chức nạo vét theo hiện trạng trong năm 2012 để tăng cường khả năng thoát nước bằng nguồn vốn ngân sách. Đồng thời rà soát các kênh, rạch phục vụ thoát nước cho các khu dân cư mới phát triển để bổ sung thực hiện nâng cấp, cải tạo đảm bảo thoát nước.

Giao Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương hoàn thành xác định mép bờ cao, hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch để làm cơ sở xác định quy mô giải tỏa; các địa phương lên phương án trình Ủy ban nhân dân thành phố chính sách và lộ trình giải tỏa lấn chiếm trong năm 2012.

4. Tăng cường liên kết, hợp tác khoa học - công nghệ phục vụ công tác xóa, giảm ngập nước:

4.1. Hợp tác, đào tạo nguồn nhân lực:

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện cơ chế trao đổi hợp tác nghiên cứu giữa Sở và các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường hợp tác khoa học - công nghệ.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước nghiên cứu, mở rộng các chuyên ngành đào tạo tại các trường dạy nghề để đào tạo đội ngũ công nhân chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, các nhà máy xử lý nước thải.

- Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước:

Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho ngành thoát nước, xử lý nước thải, thủy lợi chống ngập úng tại thành phố Hồ Chí Minh; nhất là những lĩnh vực chủ yếu như quản lý quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải đô thị; thủy văn; quản lý nước thải đô thị (lĩnh vực thoát nước: quy chuẩn, tiêu chuẩn, công nghệ, tác động môi trường,...); năng lực quản lý dự án, tài chính cho thoát nước đô thị;...

Tập trung thực hiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Dự án chống ngập nước khu vực thành phố Hồ Chí Minh” do Chính phủ Hà Lan tài trợ để đào tạo nâng cao về quản lý mô hình và thông tin ứng dụng cho lĩnh vực quản lý nước, môi trường và những vấn đề thích nghi với biến đổi khí hậu.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ cán bộ khoa học nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới để thực hiện công tác chống ngập.

4.2. Hợp tác, nghiên cứu biến đổi khí hậu tác động kinh tế - xã hội; tăng cường năng lực; khả năng ứng phó và vai trò của cộng đồng:

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường (Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu thành phố) rà soát, lồng ghép chương trình hành động ứng phó biến đổi khí hậu kế hoạch triển khai hợp tác nghiên cứu các đề tài khoa học để nâng cao khả năng thích nghi và ứng phó biến đổi khí hậu;

Phối hợp Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước, Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh thực hiện dự án Nghiên cứu các khả năng ứng phó với các biến cố mưa vượt tần suất thiết kế do biến đổi khí hậu đối với các hệ thống thoát nước đô thị;

Phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện liên quan để nghiên cứu, đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu; xây dựng chiến lược tích hợp để nâng cao khả năng thích nghi và ứng phó ngập lụt; nâng cao năng lực quan trắc, dự báo ngập lụt;

- Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Địa lý - Tài nguyên thành phố thực hiện dự án triển khai lắp đặt mạng lưới quan trắc và cảnh báo ngập lụt cho toàn thành phố;

Phối hợp Viện Khoa học - Công nghệ, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực hiện dự án Giải pháp tích hợp viễn thám và GIS phục vụ nhiệm vụ thoát nước, chống ngập của thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ động hợp tác với Hiệp hội Thủy lực thế giới xây dựng bản đồ cảnh báo rủi ro ngập lụt khu vực thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện dự án Nghiên cứu khả thi về giảm thiểu tác động môi trường trong công tác quản lý nước thải tại thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn tài trợ của Chính phủ Tây Ban Nha.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hệ thống hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải đô thị:

5.1. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng nghiên cứu lập đề án nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và các công trình kiểm soát triều để quản lý ngập do biến đổi khí hậu theo hướng tập trung đầu mối, thống nhất tổ chức quản lý trên địa bàn thành phố.

Đồng thời, trên cơ sở đề án; để tăng cường công tác xử lý đối với hành vi xâm hại hệ thống thoát nước, tham mưu theo hướng Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố lập biên bản xác nhận tình trạng vi phạm tại hiện trường và chuyển hồ sơ qua cơ quan chức năng có thẩm quyền (Thanh tra chuyên ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện tùy theo thẩm quyền và phân cấp quản lý) để lập hồ sơ và xử lý vi phạm thuộc chuyên ngành thoát nước, chống ngập ứng đô thị theo quy định.

5.2. Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của mạng lưới thoát nước trên nền số hóa và xây dựng mô hình quản lý theo hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu làm cơ sở để lập chiến lược quản lý, vận hành, bảo vệ,

xây dựng mới hệ thống thoát nước; ứng dụng công nghệ quản lý kênh rạch, hệ thống thoát nước, công cụ quản lý quy hoạch và xây dựng. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước, Viện Địa lý và Tài nguyên thành phố Hồ Chí Minh xây dựng hệ thống quan trắc ngập tự động (SCADA) thử nghiệm cho lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm;

Phối hợp Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước, Viện Nghiên cứu khoa học thủy lợi Miền Nam nghiên cứu thử nghiệm quy trình vận hành tự động hóa cho công kiểm soát triều Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

- Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước chủ trì phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu mạng lưới thoát nước trên nền số hóa và xây dựng mô hình quản lý hệ thống thoát nước.

6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân và giám sát thực hiện chiến lược quản lý ngập lụt trên địa bàn:

Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố xây dựng nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân để gửi Sở Thông tin và Truyền thông vào quý IV hàng năm; trên cơ sở đó, Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông, truyền hình tổ chức công tác tuyên truyền một cách hiệu quả.

Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ nội dung tuyên truyền đã được thống nhất giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố để tổ chức tuyên truyền bảo vệ môi trường, vệ sinh đường phố, bảo vệ kênh rạch, hệ thống thoát nước tại khu dân cư; thực hiện vai trò giám sát cộng đồng tại địa phương.

Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước chủ trì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân quận 1 xây dựng đề án thí điểm công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ thống thoát nước ở khu dân cư trên địa bàn quận 1 trong năm 2012, tổng kết đợt thí điểm, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch nhân rộng chương trình đến các quận - huyện trong những năm tiếp theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở - ban - ngành, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức thực hiện Kế hoạch chi tiết (đính kèm các bảng Phụ lục tiến độ thực hiện) để triển khai có hiệu quả Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX; chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành. Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính cân đối trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bố trí nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch này. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho công tác xóa, giảm ngập nước trên địa bàn thành phố.

3. Giao Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước là cơ quan đầu mối, thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch, kịp thời tổng hợp tình hình, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; định kỳ 03 tháng tổng hợp báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Thủ trưởng các sở - ban - ngành và địa phương chủ động phối hợp với Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước để xem xét đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín



BẢNG DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Đính kèm Quyết định số: 936 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 201 của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Phụ lục: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ IX (Theo phụ lục 1 - Quyết định 26/QĐ-UBND).

2. CÁC PHỤ LỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN (theo Phụ lục 2A – Quyết định 26/2011/QĐ-UBND):

- Phụ lục: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT (đính kèm danh mục các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ)

- Phụ lục: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM C (đính kèm danh mục các dự án có tổng mức đầu tư từ trên 15 tỷ đến dưới 50 tỷ)

- Phụ lục: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM B (đính kèm danh mục các dự án có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ đến dưới 1.000 tỷ)

- Phụ lục: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG (Phụ lục 2A có 06 dự án)

3. Phụ lục TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỆ THỐNG THU GOM VÀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Theo phụ lục 2B - Quyết định 26/QĐ-UBND).

4. CÁC PHỤ LỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN (theo phụ lục 2C - Quyết định 26/QĐ-UBND):

- Phụ lục 2C.1. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CỐNG KIỂM SOÁT TRIỀU NHIÊU LỘC - THỊ NGHÈ

- Phụ lục 2C.2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CỐNG KIỂM SOÁT TRIỀU SÔNG KINH

- Phụ lục 2C.3: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CỐNG KIỂM SOÁT TRIỀU TÂN THUẬN

- Phụ lục 2C.4: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CỐNG KIỂM SOÁT TRIỀU PHÚ XUÂN

- Phụ lục 2C.5: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CỐNG KIỂM SOÁT TRIỀU BẾN NGHÉ

- Phụ lục 2C.6: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CỐNG KIỂM SOÁT TRIỀU RẠCH TRA

- Phụ lục 2C.7: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐỂ BAO VỆ SÔNG SÀI GÒN (TỪ VÀM THUẬT ĐẾN SÔNG KINH LỘ)

- Phụ lục 2C.8: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CÔNG KIỂM SOÁT TRIỀU VÀM THUẬT
- Phụ lục 2C.9: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐÊ BAO BỜ TẢ SÔNG SÀI GÒN (ĐOẠN CÒN LẠI) TỪ RẠCH CẦU NGANG ĐẾN KHU ĐÔ THỊ THỦ THIÊM
- Phụ lục 2C.10: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐÊ BAO BỜ TẢ SÔNG SÀI GÒN (TỪ CẦU BÌNH PHƯỚC ĐẾN RẠCH CẦU NGANG)
- Phụ lục 2C.11: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG 05 CÔNG NGẮN TRIỀU TRÊN RẠCH GÒ DỪA, RẠCH ÔNG DẦU, RẠCH ĐÁ, RẠCH THỦ ĐỨC VÀ RẠCH CẦU ĐỨC NHỎ
- Phụ lục 2C.12: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐÊ BỜ HỮU VEN SÔNG SÀI GÒN TỪ VÀM THUẬT ĐẾN RẠCH TRA (NAM RẠCH TRA)
- Phụ lục 2C.13: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐÊ BỜ HỮU VEN SÔNG SÀI GÒN TỪ TỈNH LỘ 8 ĐẾN RẠCH TRA (BẮC RẠCH TRA)
- Phụ lục 2C.14: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐÊ BAO VEN SÔNG SÀI GÒN TỪ TỈNH LỘ 8 ĐẾN BẾN SÚC
- Phụ lục 2C.15: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NÂNG CẤP HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN PHÚ - PHÚ MỸ HƯNG
- Phụ lục 2C.16: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT CHỐNG NGẬP NƯỚC KHU VỰC TP. HỒ CHÍ MINH

5. CÁC PHỤ LỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN (theo phụ lục 2D - Quyết định 26/QĐ-UBND):

- Phụ lục KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NẠO VẾT CÁC KÊNH, RẠCH
- Phụ lục 2D.II.6. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH ÔNG BÚP (đoạn từ rạch Chùa đến đường Mã Lò)
- Phụ lục 2D.II.6. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH BÀU TRẦU (đoạn từ kênh Tân Hóa đến kênh Tân Hiệp)
- Phụ lục 2D.III.2. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH NHẢY – RẠCH RUỘT NGỰA
- Phụ lục 2D.III.3. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NẠO VẾT, CẢI TẠO RẠCH CẦU SUỐI
- Phụ lục 2D.III.6. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN LẮP ĐẶT CÔNG HỘP TRÊN KÊNH LIÊN XÃ (từ đường An Dương Vương đến đường Mã Lò)
- Phụ lục 2D.III.19: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CẢI TẠO RẠCH BÀ TIẾNG
- Phụ lục 2D.III.15. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH THỦ ĐÀO
- Phụ lục 2D.III.16: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH BÀ LỚN

- Phụ lục 2D.III.17: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH LUNG MÂN
- Phụ lục 2D.III.18: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH XÓM CỬ
- Phụ lục 2D.III.19: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH ÔNG BÉ
- Phụ lục 2D.III.20: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH THẦY TIÊU
- Phụ lục 2D.III.21: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO SÔNG CẦN GIUỘC
- Phụ lục 2D.III.22: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH TRA - KÊNH XÁNG - AN HẠ - KÊNH XÁNG LỚN

6. Phụ lục: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC (theo phụ lục 3 - Quyết định 26/QĐ-UBND).

7. Phụ lục: PHÂN KỲ THỰC HIỆN KÊNH, RẠCH NẠO VẾT GIAI ĐOẠN 2011-2015 (Mục 4 - phụ lục 2D - QĐ 26/2011/QĐ-UBND) VÀ BỔ SUNG DANH MỤC CẢN NẠO VẾT.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	2011				2012				2013				2014				2015			
			9	10	11	12	Q.1	Q.2	Q.3	Q.4	Q.1	Q.2	Q.3	Q.4	Q.1	Q.2	Q.3	Q.4	Q.1	Q.2	Q.3	Q.4
20.2	Tổng kết đợt thí điểm – đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo trình UBND Tp. Xây dựng kế hoạch nhân rộng chương trình đến các Quận – Huyện, .	Trung tâm chống ngập <u>Phối hợp:</u> Sở TT-TT MTTQ, Q.1.					—															
20.3	Xây dựng đề án – chương trình mở rộng trên phạm vi thành phố	Trung tâm Chống ngập <u>Phối hợp:</u> Sở TT-TT, MTTQ, Quận/huyện.					—															
20.4	Triển khai nhân rộng chương trình	Trung tâm chống ngập <u>Phối hợp:</u> Sở TT-TT MTTQ, Quận/huyện.					—	—	—	—												
20.5	Tổng kết – báo cáo kết quả - tiếp tục duy trì	Trung tâm chống ngập <u>Phối hợp:</u> Sở TT-TT MTTQ, Quận/huyện.								▲	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—

Ghi chú: — Thời gian thực hiện



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT (đính kèm danh mục)

(Dự án dự kiến có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ - theo Phụ lục 2A – Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

STT	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm	2011			2012												2013		
			10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3
1	Xin ghi kế hoạch vốn	Chủ đầu tư																		
2	UBND TP bố trí kế hoạch vốn Chuẩn bị đầu tư	UBND TP																		
3	Chọn tư vấn, khảo sát, đề xuất vị trí xây dựng (45 ngày)	CDT + đơn vị Tư vấn																		
4	Chủ đầu tư trình Sở GTVT để có văn bản thỏa thuận thỏa thuận vị trí xây dựng (15 ngày)	Sở GTVT																		
5	Chủ đầu tư trình Sở GTVT góp ý Báo cáo KTKT (10 ngày)	Sở GTVT																		
6	Hoàn chỉnh Báo cáo KTKT (20 ngày)	CDT và Tư vấn																		
7	Chủ đầu tư trình Sở GTVT phê duyệt Báo cáo KTKT (20 ngày)	Sở GTVT																		
8	Chọn đơn vị Tư vấn, lập và phê duyệt Hồ sơ mới thầu (25 ngày)	CDT và Tư vấn																		
9	Tổ chức đấu thầu xây lắp (45 ngày)	CDT và Tư vấn																		
10	Lập phân luồng giao thông (10 ngày)	Chủ đầu tư																		
11	Chủ đầu tư trình phương án phân luồng giao thông, Sở GTVT có văn bản chấp thuận (15 ngày)	Sở GTVT																		
12	Chủ đầu tư trình Khu QLGTĐT, Sở GTVT để có văn bản cấp phép thi công (20 ngày)	KQLGT và SGTVT																		
13	Khởi công công trình (5 ngày)	CDT và Nhà thầu																		
14	Thi công, hoàn thành công trình (dự kiến 4 tháng)	Nhà thầu																		

Ghi chú: thời gian thực hiện

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

STT	DANH MỤC	ĐỊA ĐIỂM	HIỆN TRẠNG	QUY MÔ	DỰ KIẾN TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (TỶ VNĐ)	DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN TỪNG NĂM (TỶ VNĐ)					GHI CHÚ
						2011	2012	2013	2014	2015	
I. CẢI TẠO NANG CẤP HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC											
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM											
5 (theo phụ lục 2A)	1	Cải tạo hệ thống thoát nước (HTTN) đường Trương Quyền (từ Võ Thị Sáu đến Điện Biên Phủ)	Q.1	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 280m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	7.83		1.57	6.27		
6	2	Cải tạo HTTN đường Mai Thị Lựu - Nguyễn Huy Tự (từ Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Đình Chiểu)	Q.1	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 350m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11.41		2.28	9.13		Giải quyết điểm ngập STT 2 - Phụ lục 4
12	3	Cải tạo HTTN đường Trần Cao Vân (Từ Mạc Đĩnh Chi đến Hải Bà Trưng)	Q.3	Cống D400, D500	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	10.27			2.05	8.22	
13	4	Cải tạo HTTN đường Lý Thái Tổ (từ số nhà 106B đến Ngã sáu)	Q.3	Cống tròn D500	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14.03		4.21	9.82		
15	5	Cải tạo HTTN đường Đỗ Ngọc Thanh (từ Nguyễn Chí Thanh đến Tân Hưng)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8.89			2.67	6.22	
21	6	Cải tạo HTTN đường Trần Phú (từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Trãi)	Q.5	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 350m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11.95		3.58	8.36		

22	7	Cải tạo HTTN đường An Dương Vương (từ Trần Bình Trọng đến Nguyễn Văn Cừ)	Q.5	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13.63		4.09	9.54		
23	8	Cải tạo HTTN đường An Dương Vương (từ Sư Vạn Hạnh đến Ngô Quyền)	Q.5	Cống vòm [0.8mx1.4m]	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	12.41			2.48	9.93	
25	9	Cải tạo HTTN đường Phan Văn Trị (từ Nguyễn Văn Cừ đến cuối tuyến)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 265m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	7.44		7.44			
26	10	Cải tạo HTTN đường Lê Quang Sung (từ Trang Tử đến Nguyễn Thị Nhỏ)	Q.5	Cống D600	- Chiều dài L = 360m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	12.27		2.45	9.81		Giải quyết điểm ngập STT 25 - Phụ lục 4
27	11	Cải tạo HTTN đường Tân Hưng (từ Lương Nhữ Học đến Đường Từ Giang)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8.89		8.89			
31	12	Cải tạo HTTN đường Phùng Hưng (từ Hồng Bàng đến Hải Thượng Lãn Ông)	Q.5	Cống D400	- Chiều dài L = 390m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	10.93		2.19	8.74		
35	13	Cải tạo HTTN đường Lê Quang Sung (từ Minh Phụng đến rạch Lò Gốm)	Q.6	Cống D400	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14.79		4.44	10.35		
37	14	Cải tạo HTTN đường Hoàng Lê Kha (từ Hồng Bàng đến Lò Gốm)	Q.6	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	10.27			2.05	8.22	
39	15	Cải tạo HTTN đường Phạm Đình Hổ (từ Hồng Bàng đến Lê Quang Sung)	Q.6	Cống D600	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8.89		1.78	7.11		

41	16	Cải tạo HTTN đường Vĩnh Viễn (từ Ngõ Gia Tự đến Nguyễn Trí Phương)	Q.10	Cống tròn D500	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14.03		4.21	9.82			
43	17	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chí Thanh (Từ Hùng Vương đến Sư Vạn Hạnh)	Q.10	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 200m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	5.60		1.68	3.92			
46	18	Cải tạo HTTN đường Lý Thường Kiệt (từ 3 Tháng 2 đến Tân Phước)	Q.10	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 350m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11.95		3.58	8.36			
50	19	Cải tạo HTTN đường Hòa Hảo (từ Nguyễn Trí Phương đến Ngõ Quyển)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13.63			2.73	10.90		
51	20	Cải tạo HTTN đường Hòa Hảo (từ Lý Thường Kiệt đến Lê Đại Hành)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 250m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8.49				1.70	6.80	
54	21	Cải tạo HTTN đường Thái Phiên (từ 3 Tháng 2 đến Hùng Vương)	Q.11	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 200m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13.53	0.20	13.33				Nguồn vốn trung tu thoát nước 2011
59	22	Cải tạo HTTN đường Đỗ Tấn Phong (từ Hoàng Văn Thụ đến Chiến Thắng)	Q. Phú Nhuận	Cống cũ nát	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D600, D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	9.49		1.90	7.59			
63	23	Cải tạo HTTN đường Lam Sơn (từ Phan Đặng Lưu đến Nguyễn Văn Đậu)	Q. Bình Thạnh	Cống nhỏ, cũ nát	- Chiều dài L = 450m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13.25		2.65	10.60			
64	24	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Huy Tường (từ Phan Đăng Lưu đến cuối tuyến)	Q. Bình Thạnh	Cống nhỏ, cũ nát	- Chiều dài L = 150m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4.45		0.89	3.56			
68	25	Cải tạo HTTN đường Hậu Giang (từ Thăng Long đến Nhà số 17)	Q.Tân Bình	Cống nhỏ, cũ nát	- Chiều dài L = 150m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4.45		4.45				

2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												
89	26	Cải tạo HTTN tại vị trí cống bằng đường Tân Xuân - Xuân Thới Đông	Hóc Môn	Cống nhỏ, xuống cấp	- Chiều dài L = 200m - Làm cống D800 - D1200 dọc Quốc Lộ 22	6.51	6.51					Nguồn vốn ủy quyền 30 tỷ
90	27	Cải tạo HTTN đường Tô Ký (từ rạch Hóc Môn đến Nguyễn Ảnh Thủ)	Hóc Môn	Cống D600, D800, kết hợp mương	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D600, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14.34		2.87	11.47			
4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM												
5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
98	28	Cải tạo HTTN đường Kha Vạn Cân (từ Võ Văn Ngân đến cầu Ngang)	Thủ Đức	Cống hợp nhưng hướng thoát nước làm cản trở dòng chảy, gây sạt lở cho các hộ dân khu vực cầu Ngang	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt thêm cống tròn D1200 - D1500, phía hạ lưu cầu Ngang - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4.02		0.80	3.21			
6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
99	29	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Quyền (Từ Tùng Thiện Vương đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D300	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13.53	0.20	13.33				Nguồn vốn trung tu thoát nước 2011
100	30	Cải tạo HTTN đường Lương Ngọc Quyến (Từ Tùng Thiện Vương đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D400	- Chiều dài L = 220m - Lắp đặt cống D600, D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	5.99		1.20	4.79			
101	31	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chế Nghĩa (Từ Nguyễn Duy đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D400, D800	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11.80		2.36	9.44			
102	32	Cải tạo HTTN đường Trần Nguyên Hân (Từ Bến Bình Đông đến Tùng Thiện Vương)	Q.8	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 220m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	6.19		1.24	4.95			
103	33	Cải tạo HTTN đường Vĩnh Nam (Từ Tùng Thiện Vương đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D600, D800	- Chiều dài L = 170m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4.74		0.95	3.79			

110	34	Cải tạo HTTN đường Xóm Cúi (Từ Ba Đình đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D600, D800	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800-D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14.79				2.96	11.83	
TỔNG CỘNG (I)						344.67	6.91	98.36	167.92	38.42	33.07	
II. XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÔNG THOÁT NƯỚC												
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM												
2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
119	35	XD HTTN đường Trịnh Quang Nghị (từ trường Phong Phú đến Quốc lộ 50)	H. Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 200m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	5.90	5.90					Nguồn vốn trung tu thoát nước 2011
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												
4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM												
5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
151	36	Nạo vét rạch Nước Trong (từ kênh Ba Bò đến rạch Vĩnh Bình)	Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L= 1100m - Nạo vét theo hiện trạng (không giải tỏa), mở rộng từ 2-4m, gia cố chống sạt lở	15.00	15.00					
6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
TỔNG CỘNG (II)						20.90	20.90	0.00	0.00	0.00	0.00	
TỔNG CỘNG (I+II)						365.57	27.81	98.36	167.92	38.42	33.07	

Dự kiến tổng cộng 36 dự án đầu tư dưới 15 tỷ; trong đó có:

- 05 dự án dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2011 (01/5 dự án chưa được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư: Nạo vét rạch Nước Trong);
- 24 dự án dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2012;
- 03 dự án dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2013;
- 04 dự án dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2014;

[illegible]

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM C

STT	DANH MỤC	ĐỊA ĐIỂM	HIỆN TRẠNG	QUY MÔ	DỰ KIẾN TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (Tỷ đồng)	DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN TỪNG NĂM (TỶ ĐVN)					GHI CHÚ
						2011	2012	2013	2014	2015	
I. CẢI TẠO NẠNG CẤP HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC											
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM											
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao											
1 (theo Phụ lục 2A)	1	Cải tạo HTTN đường Hai Bà Trưng (từ Nguyễn Thị Minh Khai đến công trường Mê Linh)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 1300m - Lắp đặt cống tròn D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	48.30		1.00	47.30		
2	2	Cải tạo HTTN đường Phạm Ngũ Lão (từ Cổng Quỳnh đến Nguyễn Thái Học)	Q.1	Cống tròn D800	- Chiều dài L = 750m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	24.43		7.33	17.10		
3	3	Cải tạo HTTN đường Phạm Ngũ Lão (từ Nguyễn Thái Học đến Phó Đức Chính)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21.13			4.23	16.91	
4	4	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Đình Chiểu (từ Hai Bà Trưng đến Đình Tiên Hoàng)	Q.1	Cống vòm B800	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20.44				4.09	16.35
7	5	Cải tạo HTTN đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Bến Chương Dương)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 1250m - Lắp đặt cống tròn D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	46.37		9.27	37.10		
8	6	Cải tạo HTTN đường Đình Tiên Hoàng (từ Nguyễn Đình Chiểu đến Võ Thị Sáu)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	24.10				4.82	19.28

9	7	Cải tạo HTTN đường Đồng Khởi (từ sông Sài Gòn đến đường Nguyễn Du)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	44.41				8.88	35.53	
11	8	Cải tạo HTTN đường Pasteur (từ Lê Thánh Tôn đến Bến Chương Dương)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	30.71				6.14	24.57	
14	9	Cải tạo HTTN đường Võ Văn Tần (Từ CMT8 đến Cao Thắng)	Q.3	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 800m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	30.17				6.03	24.14	
16	10	Cải tạo HTTN đường Dương Tử Giang (từ Tân Thành đến Trang Tử)	Q.5	Cống vòm [0,8x1,7]m	- Chiều dài L = 490m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	24.46		7.34	17.12			Giải quyết điểm ngập STT 26 - Phụ lục 4
17	11	Cải tạo HTTN đường Trần Nhân Tôn (từ Hòa Hảo đến An Dương Vương)	Q.5	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 590m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	17.43		5.23	12.20			
18	12	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Trãi (từ Tân Đa đến Châu Văn Liêm)	Q.5	Cống vòm [0,8x0,6]m	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20.69		6.21	14.48			
19	13	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Trãi (từ Trần Phú đến Tân Đa)	Q.5	Cống D400, D500, D600	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20.69			4.14	16.55		
20	14	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Trãi (từ Châu Văn Liêm đến Nguyễn Thị Nhỏ)	Q.5	Cống D400, D500, D600	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	29.50				5.90	23.60	

28	15	Cải tạo HTTN đường Trần Hưng Đạo (từ Châu Văn Liêm đến Học Lạc)	Q.5	Cống D400	- Chiều dài L = 490m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	16.67		3.33	13.34			Giải quyết điểm ngập STT 24 - Phụ lục 4
29	16	Cải tạo HTTN đường Tân Thành (từ Nguyễn Thị Nhỏ đến Thuận Kiều)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 820m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	22.98		4.60	18.38			
30	17	Cải tạo HTTN đường Trang Tử (từ Đỗ Ngọc Thạch đến Nguyễn Thị Nhỏ)	Q.5	Cống D400	- Chiều dài L = 630m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23.79		4.76	19.03			
32	18	Cải tạo HTTN đường Hải Thượng Lãn Ông (từ Đỗ Ngọc Thạch đến Châu Văn Liêm)	Q.5	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 360m - Lắp đặt 02 cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20.50		4.10	16.40			
34	19	Cải tạo HTTN đường Phạm Hữu Chí (từ Võ Trường Toản đến Thuận Kiều)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 720m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21.24			4.25	16.99		
36	20	Cải tạo HTTN đường Lê Quang Sung (từ Mai Xuân Thưởng đến Minh Phụng)	Q.6	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 580m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21.93			4.39	17.54		Giải quyết điểm ngập STT 25 - Phụ lục 4
38	21	Cải tạo HTTN đường Hậu Giang, Tháp Mười (từ Ngõ Nhân Tịnh đến Minh Phụng)	Q.6	Cống D500, D600, D700 đi 2 bên đường	- Chiều dài L = 1300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	40.00	0.15	39.85				NS tập trung (QĐ 3982/QĐ-UBND ngày 22/08/2011)
40	22	Cải tạo HTTN đường Tân Hòa Đông (từ An Dương Vương đến VX Phú Lâm)	Q.6	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	41.30				8.26	33.04	

42	23	Cải tạo HTTN đường Vĩnh Viễn (từ Ngô Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18.17		3.63	14.53		
44	24	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chí Thanh (từ Ngô Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Q.10	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 450m - Lắp đặt cống tròn D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	19.96		5.99	13.97		
45	25	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chí Thanh (Từ Sư Vạn Hạnh đến Ngô Quyền)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	25.22		5.04	20.17		
48	26	Cải tạo HTTN đường Lý Thường Kiệt (từ Tân Phước đến Hùng Vương)	Q.10	Cống vòm [0,8mx1,4m]	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23.90		4.78	19.12		
49	27	Cải tạo HTTN đường Hòa Hảo (từ Trần Nhân Tôn đến Nguyễn Tri Phương)	Q.10	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23.90		7.17	16.73		
52	28	Cải tạo HTTN đường Đồng Nai (từ Tô Hiến Thành đến Bắc Hải)	Q.10	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 800m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23.60		4.72	18.88		
53	29	Cải tạo HTTN đường Nhật Tảo (Từ Nguyễn Duy Dương đến Ngô Quyền)	Q.11	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 630m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	17.64		5.29	12.35		
55	30	Cải tạo HTTN đường Hàn Hải Nguyên (từ Minh Phụng đến 3 Tháng 2)	Q.11	Cống D600	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	22.63		4.53	18.10		
56	31	Cải tạo HTTN đường 3 Tháng 2 (từ Hàn Hải Nguyên đến Lê Đại Hành)	Q.11	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	40.77		8.15	32.61		

57	32	Cải tạo HTTN đường Bà Hát (Từ Nguyễn Kim đến Ngô Gia Tự)	Q.11	Cống D400, D500	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	41.30		8.26	33.04			
58	33	Cải tạo HTTN đường Phú Thọ (Từ Lạc Long Quân đến Hồng Bàng)	Q.11	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18.61		3.72	14.89			
62	34	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Xí (từ Đình Bộ Lĩnh đến cầu Đỏ)	Bình Thạnh	Cống tròn D800 xuống cấp	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18.61		3.72	14.89			
65	35	Cải tạo HTTN đường Nơ Trang Long (từ Phan Đăng Lưu đến Lê Quang Định)	Bình Thạnh	Cống cũ nát	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21.13			4.23	16.91		
69	36	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Hồng Đào (từ Trường Chinh đến Âu Cơ)	Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 1100m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	37.53		7.51	30.02			
70	37	Cải tạo HTTN đường Phạm Phú Thứ (từ Lạc Long Quân đến Đồng Đen)	Tân Bình	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 950m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	32.39			6.48	25.91		
71	38	Cải tạo HTTN đường Ba Vân (từ Nguyễn Hồng Đào đến Âu Cơ)	Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20.44			4.09	16.35		Giải quyết điểm ngập STT 21 - Phụ lục 4
72	39	Cải tạo HTTN đường Trương Công Định (từ Trường Chinh đến Âu Cơ)	Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 850m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	28.94			5.79	23.15		Giải quyết điểm ngập STT 14 - Phụ lục 4

73	40	Cải tạo HTTN đường Đông Đen (từ Trường Chinh đến Bàu Cát)	Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18.61				3.72	14.89	Giải quyết điểm ngập STT 16 - Phụ lục 4
TỔNG CỘNG (I.1.a)						1064.59	0.15	152.07	463.19	234.63	214.55	
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện												
74	41	Cải tạo HTTN đường Đặng Nguyên Cẩn (từ Tân Hòa Đông đến cầu Tre)	Q.6	Cống D1200	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống hộp [2x2]m (đầu nối với DATP số 3) - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23.44		4.69	18.75			
76	42	Cải tạo HTTN đường Lý Chiêu Hoàng (từ An Dương Vương đến Nguyễn Văn Luông)	Q.6	Cống tròn D800, D1000 (hai bên)	- Chiều dài L = 1300m - Lắp đặt cống D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	44.34			8.87	35.47		
78	43	Cải tạo HTTN đường Chợ Lớn (từ Nguyễn Văn Luông đến Bình Phú)	Q.6	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	17.08				3.42	13.67	
79	44	Cải tạo HTTN đường Sư Vạn Hạnh (từ 3 Tháng 2 đến Tô Hiến Thành)	Q.10	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	39.06				7.81	31.25	
TỔNG CỘNG (I.1)						123.92	0.00	4.69	27.62	46.70	44.91	
TỔNG CỘNG (I.1)						1188.52	0.15	156.76	490.81	281.33	259.46	
2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
81	45	Cải tạo HTTN đường Trương Vĩnh Ký (từ Tân Sơn Nhì đến Nguyễn Xuân Khoát)	Tân Phú	Cống D800	- Chiều dài L = 580m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18.92				3.78	15.14	Giải quyết điểm ngập STT 15 - Phụ lục 4
TỔNG CỘNG (I.2)						18.92	0.00	0.00	0.00	3.78	15.14	

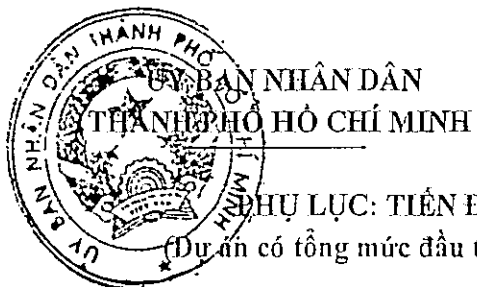
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												
4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM												
5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
104	46	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Thị Tần (Từ Dạ Nam đến Tạ Quang Bửu)	Q.8	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 1100m - Lắp đặt cống D800, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	16.32			3.26	13.05		
106	47	Cải tạo HTTN đường Hưng Phú (Từ Chánh Hưng đến Xóm Cũi)	Q.8	Cống tròn D400, D600	- Chiều dài L = 950m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	28.05				5.61	22.44	
TỔNG CỘNG (I.6)						44.36	0.00	0.00	3.26	18.66	22.44	
TỔNG CỘNG (I)						1,251.80	0.15	156.76	494.07	303.78	297.04	
II. XÂY DỰNG MÔI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC												
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM												
112	48	XD HTTN đường Tầm Vu (từ Xô Viết Nghệ Tĩnh đến rạch Xuyên Tâm)	Bình Thạnh	Chưa có hệ thống thoát nước (HTTN)	- Chiều dài L = 800m - Lắp đặt cống tròn D1500, D1800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	42.52		8.50	34.02			
114	49	XD HTTN hẻm 618/1 - hẻm 618/8 (đường Xô Viết Nghệ); hẻm 79B (đường Nguyễn Xi)	Bình Thạnh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D600, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	19.17			3.83	15.34		
115	50	XD HTTN đường Số 14 (từ đường Lê Văn Quới đến kênh Nước Đen)	Bình Tân	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt 750m cống hộp [2.0x1.6]m (phần còn lại) - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	46.82		9.36	37.46			chưa tính chi phí GPMB
TỔNG CỘNG (II.1)						108.52	0.00	17.87	75.31	15.34	0.00	

2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												
129	51	XD HTTN đường Trần Quốc Tuấn (từ Lê Quang Định đến Phan Văn Trị)	Gò Vấp	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D600, D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	40.00	0.15	39.85				NS tập trung (QĐ 3982/QĐ-UBND ngày 22/08/2011)
130	52	XD HTTN đường Lê Lợi (từ Lê Lai đến Nguyễn Kiệm)	Gò Vấp	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1050m - Lắp đặt cống tròn D600, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	30.00			6.00	24.00		
135	53	XD HTTN đường Tỉnh lộ 15 (từ Phú Thuận đến cầu Thái Thái)	Củ Chi	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	29.34				5.87	23.47	
136	54	XD HTTN đường Phan Văn Hớn (Từ Trần Văn Mười đến Ủy ban xã Thới Đông)	Hóc Môn	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	27.98			5.60	22.38		
TỔNG CỘNG (II.3)						127.32	0.15	39.85	11.60	52.25	23.47	
4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM												
140	55	XD HTTN đường vào dọ cầu Sài Gòn (từ Quốc Hương đến Trần Nãi)	Q.2	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D600 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23.58				4.72	18.87	
TỔNG CỘNG (II.4)						23.58	0.00	0.00	0.00	4.72	18.87	
5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
153	56	XD HTTN đường số 2 (từ XL Hà Nội đến đường Số 11)	Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	45.57				9.11	36.45	

6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
154	57	XD HTTN đường Hoàng Quốc Việt (Từ Huỳnh Tấn Phát đến Đào Trí)	Q.7	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 710m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20.97			4.19	16.77		
155	58	XD HTTN đường Chuyên Dừng 9 (Từ Huỳnh Tấn Phát đến cuối tuyến)	Q.7	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 930m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	27.41			5.48	21.93		
TỔNG CỘNG (II)						353.36	0.15	57.72	96.58	120.12	78.79	
TỔNG CỘNG (I+II)						1605.16	0.30	214.48	590.66	423.90	375.83	

Dự kiến tổng cộng 58 dự án đầu tư từ 15 tỷ đến 50 tỷ; trong đó có:

- 02 dự án thực hiện trong năm 2011 (đã được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư);
- 23 dự án dự kiến thực hiện trong năm 2012;
- 17 dự án dự kiến thực hiện trong năm 2013;
- 16 dự án dự kiến thực hiện trong năm 2014.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM B (đính kèm danh mục)
(Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến từ 50 tỷ đến dưới 1.000 tỷ - theo Phụ lục 2A – Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

STT	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm	2011			2012												2013								2014	
			10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	...	...	8
1	Xin ghi kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	■																								
2	UBND TP bố trí kế hoạch vốn CBĐT	UBND TP			■																						
3	Chọn tư vấn, khảo sát, đề xuất vị trí xây dựng (dự kiến 100 ngày)	CBĐT và Tư vấn				■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■										
4	Chủ đầu tư trình Sở GTVT để có văn bản thỏa thuận thỏa thuận vị trí xây dựng (15 ngày)	Sở GTVT									■	■	■	■	■	■	■										
5	Chủ đầu tư trình Sở GTVT góp ý về Thiết kế cơ sở (13 ngày)	Sở GTVT										■	■	■	■	■	■										
6	Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án (20 ngày)	CBĐT và Tư vấn										■	■	■	■	■	■										
7	Chủ đầu tư trình Sở GTVT thẩm định, phê duyệt DA đầu tư (20 ngày)	Sở GTVT											■	■	■	■	■										
8	Chọn Tư vấn, lập + thẩm tra + thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công (5 ngày)	CBĐT và Tư vấn													■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■
9	Chọn Tư vấn, lập và phê duyệt Hồ sơ mời thầu (25 ngày)	CBĐT và Tư vấn																	■	■	■	■	■	■	■	■	■
10	Tổ chức đấu thầu xây lắp (45 ngày)	CBĐT và Tư vấn																		■	■	■	■	■	■	■	■
11	Lập phân luồng giao thông (10 ngày)	CBĐT																		■	■	■	■	■	■	■	■

[illegible]

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM B

STT	DANH MỤC	ĐỊA ĐIỂM	HIỆN TRẠNG	QUY MÔ	DỰ KIẾN TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (Tỷ đồng)	DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN TỪNG NĂM (TỶ ĐVN)					GHI CHÚ	
						2011	2012	2013	2014	2015		
I. CẢI TẠO NẠNG CẤP HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC												
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
10 (theo phụ lục 2A)	1	Cải tạo HTTN đường Cống Quỳnh (từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Nguyễn Cư Trinh)	Q.1	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	50.37				1.00	49.37	
24	2	Cải tạo HTTN đường Hùng Vương (từ Ngô Quyền đến Đỗ Ngọc Thạch)	Q.5	Cống D400, D600, Vòm (0.8x1.4)m, (1.4x1.6)m	- Chiều dài L = 1140m - Lắp đặt 02 cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	75.02		1.00	35.00	39.02		
33	3	Cải tạo HTTN đường Lê Lai (từ Nguyễn Trãi đến Phan Chu Trinh)	Q.5	Cống D1000, D1200	- Chiều dài L = 2100m - Lắp đặt cống hộp 2x[1,5x1,5]m - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	189.65			1.00	80.00	108.65	
47	4	Cải tạo HTTN đường Ngô Gia Tự (từ ngã Bảy đến Nguyễn Tri Phương)	Q.10	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 1150m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 hai bên đường - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	78.41			1.00	40.00	37.41	
60	5	Cải tạo HTTN đường Bùi Đình Túy (từ Hẻm 304 đến cầu Bùi Đình Túy)	Q. Bình Thạnh	Cống D600, D800	- Chiều dài L = 1000m - Xây dựng HTTN và thảm bê tông nhựa mặt đường	80.00	0.50	40.00	39.50			NS tập trung (QĐ 3982/QĐ -UBND 22/8/11)
61	6	Cải tạo HTTN đường Chu Văn An (từ ngã năm Bình Hòa đến cầu Chu Văn An)	Q. Bình Thạnh	Cống D600, D800	- Chiều dài L = 1000m - Xây dựng HTTN hai bên vỉa hè, mở rộng đường lộ giới 25m, thảm	225.00	0.20		75.00	75.00	74.80	(QĐ 3982/QĐ -UBND

					bê tông nhựa mặt đường							ngày 22/8/11)
66	7	Cải tạo HTTN đường An Dương Vương (từ Bà Hom đến Mũi Tàu)	Q. Bình Tân	Cống D600, D1000	- Chiều dài L = 1120m - Lắp đặt cống tròn D1500 - D2000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	60.49				1.00	59.49	Giải quyết điểm ngập STT 10 Phụ lục 4
67	8	Cải tạo HTTN đường Kinh Dương Vương (từ cầu Ông, Buông đến Mũi tàu Phú Lâm)	Q. Bình Tân	Cống D800, D1000, D1200	- Chiều dài L = 1800m - Xây dựng cống chính 2 bên đường D1200 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	141.84			1.00	60.00	80.84	
TỔNG CỘNG (I.1.a)						900.77	0.70	41.00	152.50	296.02	410.56	
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện												
75	9	Cải tạo HTTN đường Số 26 (từ An Dương Vương đến rạch Lò Gốm)	Q.6	Cống D400, D1200	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống hộp [2mx2m] - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	108.78			1.00	40.00	67.78	
77	10	Cải tạo HTTN đường Bình Phú (từ Hậu Giang đến Lý Chiêu Hoàng)	Q.6	Cống D400, D1200	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống tròn D1200, D1800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	54.16			1.00	30.00	23.16	
80	11	Cải tạo HTTN đường Bầu Cát (từ Trương Công Định đến Võ Thành Trang)	Q. Tân Bình	Cống D400, D1000	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống hộp [1.6mx1.6m] - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	51.37			1.00	30.00	20.37	Giải quyết điểm ngập STT 15 Phụ lục 4
TỔNG CỘNG (I.1b)						214.31	0.00	0.00	3.00	100.00	111.31	
TỔNG CỘNG (I.1)						1115.08	0.70	41.00	155.50	396.02	521.87	
2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
82	12	Cải tạo HTTN đường Gò Dầu (từ Tân Sơn Nhì đến Tân Kỳ - Tân Quý)	Q. Tân Phú	Cống D600	- Chiều dài L = 2080m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	67.70			1.00	30.00	36.70	

83	13	Cải tạo HTTN đường Tân Hương (từ Bình Long đến Độc Lập)	Q. Tân Phú	Cống D800	- Chiều dài L = 1680m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	54.68				1.00	53.68	
84	14	Cải tạo HTTN khu vực giới hạn bởi đường Tân Kỳ Tân Quý, Bình Long, Tân Hương, Độc Lập, Tân Sơn Nhì, Trần Văn Ôn	Q. Tân Phú	Cống D600, D800	- Chiều dài L = 2800m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	91.13				1.00	90.13	
85	15	Cải tạo HTTN đường Hồ Học Lãm (Từ Quốc Lộ 1A đến Bến Phú Định)	Q. Bình Tân	Cống nhỏ, đường thấp	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống tròn D800- D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	126.73			1.00	50.00	75.73	
TỔNG CỘNG (I.2.a)						340.24	0.00	0.00	2.00	82.00	256.24	
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện												
86	16	Cải tạo HTTN đường Kinh Dương Vương (từ Mũi tàu Phú Lâm đến vòng xoay An Lạc)	Q. Bình Tân	Cống D800, D1000, D1200	- Chiều dài L = 3500m - Xây dựng cống chính 2 bên đường D1200 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	275.85			1.00	80.00	194.85	
TỔNG CỘNG (I.2)						616.09	0.00	0.00	3.00	162.00	451.09	
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
87	17	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Văn Nghi (từ Nguyễn Kiệm đến cầu Hàng)	Q. Gò Vấp	Cống nhỏ, xuống cấp	- Chiều dài L = 1500m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	150.00	0.50	75.00	74.50			NS tập trung (QĐ 3982/QĐ -UBND ngày 22/8/11)
88	18	Cải tạo kênh Tân Trụ (Từ Phạm Văn Bạch đến kênh Hy Vọng)	Q. Tân Bình	- B=2-4m. - Lòng kênh nhiều bùn đất. Nhiều đoạn kênh được thay bằng cống.	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống hộp, xây dựng đường trên cống hộp. - Nạo vét, mở rộng và kê bờ chống lấn chiếm	240.00	0.50	-	-	120.00	119.50	QĐ 3982/QĐ -UBND ngày 22/8/11)

91	19	Cải tạo HTTN đường Trần Văn Mười (từ đường Liên Xá đến QL22)	Học Môn	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2200m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	59.56					1.00	58.56	
92	20	Cải tạo HTTN đường Liên Xá (từ Nguyễn Thị Sóc đến Trần Văn Mười)	Học Môn	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1600m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	52.08					1.00	51.08	
TỔNG CỘNG (I.3.a)						501.63	1.00	75.00	74.50	122.00	229.13		
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện													
93	21	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Ảnh Thủ (từ Tô Ký đến QL22)	Học Môn - Q.12	2 cống D600	- Chiều dài L = 1700m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	64.17					1.00	63.17	
TỔNG CỘNG (I.3.b)						64.17	0.00	0.00	0.00	1.00	63.17		
TỔNG CỘNG (I.3)						565.80	1.00	75.00	74.50	123.00	292.30		
4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM													
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao													
94	22	Cải tạo HTTN khu vực đường Lê Văn Thịnh và đường Số 22 (từ đường Nguyễn Thị Định đến Nguyễn Duy Trinh)	Q.2	Cống D800 và hầm ga thu 2 bên đường	- Chiều dài L = 1700m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	50.19					1.00	49.19	
95	23	Cải tạo HTTN đường Thảo Điền - Quốc Hương - Xuân Thủy - Nguyễn Văn Hưởng (khu dân cư Thảo Điền)	Q.2	Cống D800 và hầm ga thu 2 bên đường	- Chiều dài L = 6500m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	245.22				1.00	80.00	164.22	
TỔNG CỘNG (A.4.a)						295.41	0.00	0.00	1.00	81.00	213.41		
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện													
96	24	Cải tạo HTTN đường Lương Định Của (từ Trần Nãi đến phà Thủ Thiêm)	Q.2	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 2500m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	118.36					1.00	117.36	

97	25	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Thị Định (từ Lương Định Của đến đường 25B)	Q.2	Cống D800 và hầm ga thu 2 bên đường	- Chiều dài L = 4000m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	201.46			1.00	80.00	120.46	
TỔNG CỘNG (I.4.b)						319.82	0.00	0.00	1.00	81.00	237.82	
TỔNG CỘNG (I.4)						615.23	0.00	0.00	2.00	162.00	451.23	
5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
105	26	Cải tạo HTTN đường Hưng Phú (Từ cầu Chữ Y đến Chánh Hưng)	Q.8	Cống tròn D400, D600	- Chiều dài L = 1750m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	51.65			1.00	30.00	20.65	
107	27	Cải tạo HTTN đường Phạm Thế Hiển (Từ cầu Bà Tăng đến cầu Nhị Thiên Đường)	Q.8	Cống tròn D400, D800	- Chiều dài L = 2100m - Lắp đặt cống D800, D1500 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	76.06			1.00	75.06		
108	28	Cải tạo HTTN đường Phạm Thế Hiển (Từ cầu Bà Tăng đến Ba Tơ)	Q.8	Cống tròn D400, D800	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống D800, D1500 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	118.24			1.00	40.00	77.24	
109	29	Cải tạo HTTN đường Bến Phú Định (Từ Hồ Ngọc Lâm đến cầu Phú Định)	Q.8	Cống tròn D400, D600	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống D800, D1500 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	118.24			1.00	40.00	77.24	
111	30	Cải tạo HTTN đường Huỳnh Tấn Phát (Từ cầu Tân Thuận đến cầu Phú Xuân)	Q.7	Cống D800, D1000	- Chiều dài L = 4000m - Lắp đặt cống hộp 2x[1,5x1,5]m - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	361.16			1.00	80.00	280.16	
TỔNG CỘNG (I.6)						725.34	0.00	0.00	4.00	191.00	530.34	
TỔNG CỘNG (I)						3,637.5	1.7	116.0	239.0	1,034.0	2,246.8	
II. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG												
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM												

113	31	XD HTTN đường hẻm 10 - hẻm Bến xe Miền Đông (từ Xô Viết Nghệ Tĩnh đến rạch Xuyên Tâm)	Q. Bình Thạnh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D1500, D1800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	52.00		1.00	30.00	21.00		chưa tính chi phí GPMB
116	32	XD HTTN đường An Dương Vương (từ Lý Chiêu Hoàng đến cầu Mỹ Thuận)	Q. Bình Tân	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 680m - Lắp đặt cống hộp [2.5x2.5]m. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	100.00	0.50	50.00	49.50			QĐ 3982/QĐ -UBND ngày 22/8/11
TỔNG CỘNG (II.1)						152.00	0.50	51.00	79.50	21.00	0.00	
2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
117	33	XD HTTN đường Trần Đại Nghĩa (từ QL 1A đến cầu Cái Trung)	Q. B. Tân - Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2000m - Xây dựng cống chính D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	350.00	0.50		100.00	100.00	149.50	QĐ 3982/QĐ -UBND ngày 22/8/11
118	34	XD HTTN đường Trần Đại Nghĩa (từ Lê Ngung đến cầu Cái Trung)	Q. B. Tân - Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1300m - Xây dựng cống chính D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	126.85		1.00		62.92	62.92	chưa tính chi phí GPMB
120	35	XD HTTN Quốc lộ 1 (từ Đại lộ Đông Tây đến cầu Bình Điền)	H. Bình Chánh	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 1000m - Xây dựng cống chính 2 bên đường D1200 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	78.80		1.00	40.00	37.80		
121	36	XD HTTN đường Trịnh Quang Nghị (từ Nguyễn Văn Linh đến Quốc lộ 50)	H. Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	83.30			1.00	40.00	42.30	
122	37	XD HTTN đường An Dương Vương (Từ cầu Mỹ Thuận đến Bến Phú Định)	Q. Bình Tân	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2800m - Lắp đặt cống D800- D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	94.59			1.00	40.00	53.59	
TỔNG CỘNG (II.2)						733.53	0.50	2.00	142.00	280.72	308.31	
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												

123	38	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ Lê Thị Riêng đến Nguyễn Văn Quá)	Q.12	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1600m - Lắp đặt 2 cống tròn D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	150.00	0.40	75.00	74.60			QĐ 3982/QĐ-UBND ngày 22/8/11
124	39	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ cầu vượt An Sương đến Nguyễn Văn Quá)	Q.12	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	95.40			1.00	40.00	54.40	
125	40	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ Lê Thị Riêng đến Ngã tư Ga)	Q.12	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 2900m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	300.00	0.50	100.00	100.00	99.50		Chưa bố trí vốn CBET
126	41	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ cầu vượt Bình Phước đến Ngã tư Ga)	Q.12	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	238.59			1.00	80.00	157.59	
131	42	XD HTTN Quốc Lộ 22 (cống Nước Nhĩ đến Đình Bàu Tre)	Cù Chi	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	56.00	0.20	55.80				QĐ 3982/QĐ-UBND ngày 22/8/11
132	43	XD HTTN Tỉnh Lộ 8 (từ Quốc lộ 22 đến cầu Láng The)	Cù Chi	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 6500m - Lắp đặt cống tròn D1000 - cống hộp [2x2]m - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	354.40			1.00	80.00	273.40	
133	44	XD HTTN Tỉnh Lộ 8 (từ cầu Láng The đến Tỉnh lộ 15)	Cù Chi	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 4700m - Lắp đặt cống tròn D1000 - cống hộp [2x2]m - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	256.27			1.00	80.00	175.27	
134	45	XD HTTN đường Tỉnh lộ 15 (từ Tỉnh lộ 8 đến cầu Bến Nảy)	Cù Chi	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 3700m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	175.14				1.00	174.14	
TỔNG CỘNG (II.3)						1,625.80	1.10	230.80	178.60	380.50	834.80	
4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM												

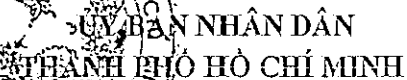
137	46	XD HTTN đường Lương Định Của (từ Trần Nãi đến Nguyễn Thị Định)	Q.2	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2700m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	136.05			1.00	40.00	95.05	
138	47	XD HTTN đường Nguyễn Thị Định (từ đường 25B đến phà Cát Lái)	Q.2	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1700m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	85.68				1.00	68.55	
139	48	XD HTTN đường Nguyễn Duy Trinh (từ chợ Gông Ông Tổ đến cầu Xây Dựng)	Q.2	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 3600m - Lắp đặt cống tròn D800 - D2000, cống hộp - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	164.86			1.00	60.00	103.86	
141	49	XD HTTN đường Nguyễn Văn Tăng (từ Lê Văn Việt đến Nguyễn Xiển)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2200m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	104.10		1.00	40.00	63.10		
142	50	XD HTTN đường Tăng Nhơn Phú (từ Đỗ Xuân Hợp đến Đình Phong Phú)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2000m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	94.64			1.00	40.00	53.64	
143	51	XD HTTN đường Đỗ Xuân Hợp cầu Rạch Chiếc đến Nguyễn Duy Trinh)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2400m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	120.88				1.00	119.88	
144	52	XD HTTN đường Đỗ Xuân Hợp (từ XL Hà Nội đến cầu Rạch Chiếc)	Q.9	HTTN chưa hoàn thiện	- Chiều dài L = 3200m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	161.17			1.00	60.00	100.17	
145	53	XD HTTN đường Lê Xuân Oai (từ Lê Văn Việt đến cầu Rạch Gò Dưa)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2300m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	108.89				1.00	107.89	
146	54	XD HTTN đường Lê Văn Việt (từ XL Hà Nội đến Hoàng Hữu Nam)	Q.9	HTTN chưa hoàn thiện	- Chiều dài L = 4700m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đảo và thảm nhựa mặt đường	236.78			1.00	80.00	155.78	

147	55	XD HTTN đường Lò Lu (từ Lã Xuân Oai đến Nguyễn Xiển)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	123.03			1.00	40.00	82.03	
148	56	XD HTTN đường Nguyễn Xiển (từ Nguyễn Văn Tăng đến Long Thuận)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	165.67			1.00	60.00	104.67	
TỔNG CỘNG (II.4)						1501.74	0.00	1.00	47.00	446.10	991.50	
5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
149	57	XD HTTN đường Tam Bình (từ Hiệp Bình đến Tô Ngọc Vân)	Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2800m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	160.00	0.50	80.00	79.50			QĐ 3982/QĐ-UBND ngày 22/8/11
150	58	XD HTTN đường Bình Phú (suốt tuyến)	Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	50.00	0.20	49.80				QĐ 3982/QĐ-UBND ngày 22/8/11
152	59	XD HTTN đường Cây Keo (suốt tuyến)	Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	80.00	0.50	50.00	29.50			QĐ 3982/QĐ-UBND ngày 22/8/11
TỔNG CỘNG (II.5)						290.00	1.20	179.80	109.00	0.00	0.00	
6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
156	60	XD HTTN đường Đào Trí (Từ Hoàng Quốc Việt đến Gò Ô Môi)	Q.7	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1900m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	61.88				1.00	60.88	
157	61	XD HTTN đường Phạm Hữu Lầu (Từ cầu Phước Long đến Lê Văn Lương)	Nhà Bè	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3100m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	100.94			1.00	40.00	59.94	

158	62	XD HTTN đường Nguyễn Bình (Từ Huỳnh Tấn Phát đến cầu Mương Chuối)	Nhà Bè	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3000m - Lắp đặt cống tròn D1000, D2000, cống hộp. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	141.95			1.00	60.00	80.95	
159	63	XD HTTN đường Đào Sư Tích (Từ Lê Văn Lương đến ranh Long An)	Nhà Bè	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3400m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	100.30				1.00	99.30	
TỔNG CỘNG (II.6)						405.08	0.00	0.00	2.00	102.00	301.08	
TỔNG CỘNG (II)						4708.14	3.30	464.60	558.10	1230.32	2435.69	
TỔNG CỘNG (I+II)						8345.68	5.00	580.60	797.10	2264.34	4682.50	

Dự kiến tổng cộng 63 dự án nhóm B; trong đó:

- 12 dự án triển khai thực hiện trong năm 2011 (01 dự án chưa được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư);
- 05 dự án triển khai thực hiện trong năm 2012;
- 30 dự án triển khai thực hiện trong năm 2013;
- 16 dự án triển khai thực hiện trong năm 2014.



TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG (Phụ lục 2A dự kiến có 06 dự án)

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
HÀNG/PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỆ THỐNG THU GOM VÀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Theo phụ lục 2B - Quyết định 26/QĐ-UBND)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	2011					2012												2013				2014				2015			
			8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
2.1	Nạo vét tuyến Kênh Tham Lương – Bến Cát – Rạch Nước Lên																														
2.2	Xây dựng mạng lưới cống mới và sửa chữa các tuyến cống cũ																														
2.3	Xây dựng cầu giao thông bằng kênh																														
3	Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương – Bến Cát – Rạch Nước Lên (Giai đoạn 2)	Sở NN - PTNT																													
3.1	Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, trạm bơm																														
3.2	Xây dựng nhà máy Tham Lương – Bến Cát																														
3.3	Xây dựng nhà máy Xử lý nước thải Tây Sài Gòn																														



Phụ lục 2C.1. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CÔNG KIỂM SOÁT TRIỀU NHIÊU LỘC - THỊ NGHỆ
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/QĐ-UBND)

[illegible]

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C.2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CÔNG KIỂM SOÁT TRIỀU SÔNG KINH
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/QĐ-UBND)

STT	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm	2011												2012												2013						
			6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	...	7								
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																																
1	Trình thẩm định và phê duyet dự án đầu tư (80 ngày).	Sở NN và PTNT																															
II	GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ																																
2	Trình thẩm định phê duyệt KHĐT dự án, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu EPC (90 ngày).	Chủ đầu tư, Tư vấn																															
3	Hoàn thiện TKKT và BVTC và phê duyệt (45 ngày).	Chủ đầu tư, Tư vấn																															
4	Giải phóng mặt bằng (120 ngày).	Chủ đầu tư và UBND huyện Nhà Bè																															
5	Hoàn thành các hạng mục chính (lắp đặt cửa cống..) và ngăn được triều (270 ngày).	Nhà thầu																															
6	Hoàn thiện, nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng (270 ngày).	Chủ đầu tư và Nhà thầu																															

Ghi chú: + — : thời gian thực hiện liên tục
+ = = : thời gian thực hiện liên tục kéo dài

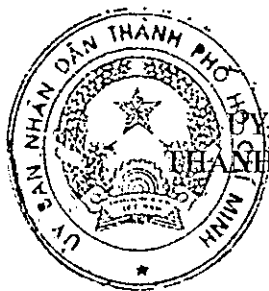


**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C.4: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CÔNG KIỂM SOÁT TRIỀU PHÚ XUÂN
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/QĐ-UBND)

ST T	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm	2011								2012								2013				2015			
			6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	...	12	1...	5...	12	1	2	...	
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																									
1	Khảo sát địa hình, địa chất và lập dự án đầu tư (180 ngày bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng 90 ngày)	Chủ đầu tư, Tư vấn	---	-----																						
2	Tư vấn nộp dự án đầu tư, CĐT xem xét, góp ý để hoàn thiện dự án (30 ngày)	Chủ đầu tư, Tư vấn					==																			
3	Trình thẩm định và phê duyet dự án đầu tư (60 ngày bao gồm thời gian chỉnh sửa theo yêu cầu Sở NN và PTNT).	Chủ đầu tư, Sở NN và PTNT						-----																		
4	Thẩm tra dự án đầu tư nếu có yêu cầu của Sở NN và PTNT(40 ngày).	Chủ đầu tư, Tư vấn								-----																
II	GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ																									
5	Đấu chọn thầu EPC (90 ngày).	Chủ đầu tư, Tư vấn									-----															
6	Hoàn thiện TK Kỹ thuật Bản vẽ thi công (60 ngày).	Chủ đầu tư, Nhà thầu													-----											
8	Giải phóng mặt bằng nếu có (150 ngày).	UBND Q/H, Chủ đầu tư										-----														
9	Hoàn thành hạng mục ngăn triều công trình (270 ngày).	Nhà thầu															-----									
10	Hoàn thiện CT nghiệm thu đưa vào sử dụng (270 ngày).	Chủ đầu tư, Nhà thầu																		-----			-----			



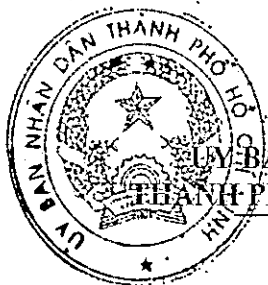
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C.6: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CÔNG KIỂM SOÁT TRIỀU RẠCH TRA
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/QĐ-UBND)

STT	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm	2011					2012												2013			2014		
			8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	7...	12	1	4...	12
I	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																								
1	Lập đề cương, nhiệm vụ, dự toán. Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát lập dự án đầu tư (75 ngày)	Chủ đầu tư																							
2	Khảo sát địa hình, địa chất và lập dự án đầu tư (90 ngày)	Tư vấn																							
3	Tư vấn nộp dự án đầu tư, CĐT xem xét, góp ý để hoàn thiện dự án (10 ngày)	CĐT và Tư vấn																							
4	Trình Sở NN và PTNT thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư (45 ngày).	Sở NN và PTNT																							
5	Thẩm tra dự án đầu tư nếu có yêu cầu của Sở NN và PTNT (45 ngày).	CĐT+TV																							
II	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ																								
6	Tổ chức đấu thầu lựa chọn thầu tổng thầu EPC (90 ngày).	CĐT và Tư vấn																							
7	Hoàn thiện TK Kỹ thuật BVTC (60 ngày).	CĐT và Tư vấn																							
8	Giải phóng mặt bằng nếu có (240 ngày).	CĐT và UBND Q/H																							
9	Hoàn thành hạng mục ngăn triều công trình (270 ngày).	Nhà thầu																							
10	Hoàn thiện CT nghiệm thu đưa vào sử dụng (270 ngày).	CĐT, NT																							

Ghi chú: + ▲ : thời điểm thực hiện
+ — : thời gian thực hiện liên tục
+ ■■■ : thời gian thực hiện liên tục kéo dài



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C.10: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐÈ BAO BỜ TẢ SÔNG SÀI GÒN
(TỪ CẦU BÌNH PHƯỚC ĐẾN RẠCH CẦU NGANG)
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

STT	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm	2011					2012												2013				
			8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	...	12
1	Đang triển khai công tác giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư và Tư vấn		▲																				
2	Triển khai thi công	Nhà thầu																						

Ghi chú: + ▲ : thời điểm thực hiện

+ ■ : thời gian thực hiện liên tục



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục 2C.11: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG 05 CÔNG NGẮN TRIỀU TRÊN RẠCH GỖ DỪA,
RẠCH ÔNG DẦU, RẠCH ĐÁ, RẠCH THỦ ĐỨC VÀ RẠCH CÀU ĐỨC NHỎ**
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

STT	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm	2010		2011								2012				2013				
			11	12	1	2	3	4	5	6	7...	12	1	2	...	12	1	2	...	5...	12
1	Sở NN có Quyết định 564/QĐ-SNN-QLĐT ngày 30/12/2011 về phê duyệt dự án đầu tư	Sở NN và PTNT		▲																	
2	Chủ đầu tư trình thẩm định phê duyệt KHĐT dự án (20 ngày)	Sở NN và PTNT			▲																
3	Khảo sát địa hình, địa chất, thiết kế kỹ thuật - Bản vẽ thi công, phê duyệt TKKT-BVTC theo từng công riêng biệt	Chủ đầu tư và Tư vấn																			
4	Lập HSMT, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công (90 ngày)	Tư vấn																			
5	Thi công công trình (12 tháng)	Nhà thầu																			

Ghi chú: + ▲ : thời điểm thực hiện

+ ■■■ : thời gian thực hiện liên tục

+ ■■■■ : thời gian thực hiện liên tục kéo dài



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

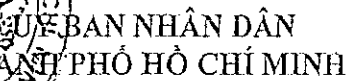
Phụ lục 2C.12: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐỀ BỜ HỮU VÊN SÔNG SÀI GÒN
TỪ VÀM THUẬT ĐẾN RẠCH TRÀ (NAM RẠCH TRÀ)
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

S T T	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm					2012								2013				2014			2015		
			9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	...	12	1	...	12	1	...	12	1	...	12
I	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																							
1	Đang trình Sở NN & PTNT thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư giai đoạn II	Sở NN và PTNT	---	---																				
II	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ																							
2	Lập HSYC lựa chọn tư vấn TKKT và bản vẽ thi công (45 ngày)	Chủ đầu tư và Tư vấn			---																			
3	Lập HSMT, tổ đấu thầu chọn nhà thầu thi công (90 ngày)	Chủ đầu tư và Tư vấn				---																		
4	Hoàn thiện TK Kỹ thuật BVTC (60 ngày).	Chủ đầu tư và Tư vấn					---																	
5	Giải phóng mặt bằng nếu có (150 ngày).	UBND Q/H, Chủ đầu tư và Tư vấn				---																		
6	Thi công đê (30 tháng).	Nhà thầu										---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú:

+ --- : thời gian thực hiện liên tục

+ ... : thời gian thực hiện liên tục kéo dài



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỪ TỈNH LỘ 8 ĐẾN RẠCH TRÀ (BẮC RẠCH TRÀ)

(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C.14: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐỀ BAO VEN SÔNG SÀI GÒN
TỪ TỈNH LỘ 8 ĐẾN BẾN SÚC
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/QĐ-UBND)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Địa điểm XD	Diện tích phục vụ (ha)	Quy mô				Tiến độ thực hiện						Kế hoạch Vốn năm 2011
				L đề bao VSSG (km)	L bờ bao (km)	Cống các loại (Cái)	Cầu các loại (Cái)	Phê duyệt dự án		Thiết kế - Bản vẽ thi công	Giải phóng mặt bằng		Thi công	
								Số Quyết định phê duyệt	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Đo đạc địa chính	Đền bù giải tỏa		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Thái Thái đến cầu Bến Súc	Xã Phú Mỹ Hưng - H.Củ Chi	270.00	4.359	5.248	28	2	Quyết định số: 91 /QĐ-SNN-QLĐT ngày 28 /01 /2010	130,969,371	Đã xong công tác thiết kế dự toán, đang thực hiện công tác thẩm tra	Đang thực hiện, ước đạt 70%	Đang kiểm kê	Chưa triển khai	Chưa ghi vốn
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi An Phú - Phú Mỹ Hưng	Xã An Phú và Phú Mỹ Hưng - H.Củ Chi	1,172.00	10.28	23.29	51	10	Quyết định số: 1157/QĐ-UB ngày 23 /03 /2007	62,008,000	Xong	Xong	GPMB khó khăn, dự án không có kinh phí đền bù, dân yêu cầu phải đền bù đất.	Đang thi công gói thầu số 11, 12,13 khối lượng đạt ước 80%, do vướng mặt bằng nên chưa thi công tiếp	3,000
3	Đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Cầu Đen xã An Nhơn Tây	Xã An Nhơn Tây - H.Củ Chi	322.00	5.881	3.446	24	5	Quyết định số: 93/QĐ-SNN-QLĐT ngày 28/01/2010	172,396,041	Đã xong công tác thiết kế dự toán, đang thực hiện công tác thẩm tra	Đang thực hiện, ước đạt 60%	Đang trình thành phố thu hồi đất để tổ chức GPMB	Chưa triển khai	Chưa ghi vốn
4	Đê bao ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Nàng Âm đến rạch Lăng The	Xã Phú Hòa Đông - H.Củ Chi	644.00	4.00	4.80	26	-	Chưa	Đang lập dự án, đã có chủ trương đầu tư theo văn bản số: 4885/UBND-CNN ngày 29/9/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.					Chưa ghi vốn



5	Xây dựng HTTL ven sông Sài Gòn từ Láng The đến sông Lu	Xã Trung An và Phú Hòa Đông - H.Củ Chi	1,404	6.735	18.087	31	-	Số 131/QĐ-SNN-QLĐT ngày 02/02/2010	237,932,329	Đã xong công tác thiết kế dự toán, đang thực hiện công tác thẩm tra	Đang thực hiện, ước đạt 60%	Đang trình thành phố thu hồi đất để tổ chức GPMB	Chưa triển khai	Chưa ghi vốn
6	Xây dựng hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ Sông Lu đến rạch Bà Bép	Xã Trung An và Hòa Phú - H.Củ Chi	889.000	6.090	6.995	13	-	Chưa	Đang lập dự án, đã có chủ trương đầu tư theo văn bản số: 4885/UBND-CNN ngày 29/9/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.					Chưa ghi vốn
TỔNG CỘNG			4,701.000	37.345	61.863	173.000	17.000	-	603,305,741	-	-			



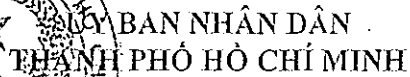
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C.15: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NÂNG CẤP HỆ THỐNG
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN PHÚ - PHÚ MỸ HƯNG
(Theo phụ lục 2C - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

STT	Nội dung công việc và dự kiến thời gian thực hiện	Trách nhiệm											2012				2013				
			8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	5...	12
1	Đang triển khai thi công 03 cống nội thị	Chủ đầu tư	■ ■ ■																		
2	Chủ đầu tư trình thẩm định phê duyệt KHĐT dự án (20 ngày)	Sở NN và PTNT			▲																
3	Lập HS mời thầu, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công (90 ngày)	Chủ đầu tư và Tư vấn																			
4	Thi công công trình (24 tháng)	Nhà thầu																			

Ghi chú: + ▲ : thời điểm thực hiện
+ ■ : thời gian thực hiện liên tục
+ ■ ■ ■ : thời gian thực hiện liên tục kéo dài



Phụ lục KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NẠO VẾT CÁC KÊNH, RẠCH
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

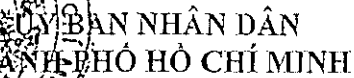
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

9	Cải tạo rạch Thủ Đào (2D.3.15)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.15
10	Cải tạo rạch Bà Lớn (2D.3.16)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.16
11	Cải tạo rạch Lung Mân (2D.3.17)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.17
12	Cải tạo rạch Xóm Cũi (2D.3.18)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.18
13	Cải tạo rạch Ông Bé (2D.3.19)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.19
14	Cải tạo rạch Thầy Tiêu (2D.3.20)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.20
15	Cải tạo sông Cần Giuộc (2D.3.21)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.21
16	Rạch Tra – Kênh Xáng – An Hạ – Kênh Xáng Lớn (2D.3.21)	Trung tâm chống ngập	Đính kèm phụ lục chi tiết số 2D.III.22
IV	ĐỐI VỚI CÁC KÊNH RẠCH CHƯA CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (37 tuyến kênh, rạch):		
1	Trong năm 2012, Trung tâm Chống ngập nạo vét theo hiện trạng để tăng cường khả năng thoát nước bằng nguồn vốn ngân sách. Đồng thời rà soát các kênh, rạch phục vụ thoát nước cho các khu dân cư mới phát triển để bổ sung thực hiện nâng cấp, cải tạo đảm bảo thoát nước.		
2	Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành xác định mép bờ cao, hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch để làm cơ sở cho quận huyện xác định quy mô giải tỏa; các địa phương lên phương án trình Ủy ban nhân dân thành phố chính sách và lộ trình giải tỏa lấn chiếm trong quý III năm 2011.		
3	Từ Quý IV năm 2012 xây dựng quỹ nhà tái định cư.		
4	Sau khi đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng, Triển khai dự án nạo vét theo đúng thiết kế để đảm bảo thoát nước.		

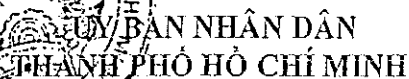


Phụ lục 2D.II.6. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH ÔNG BÚP (đoạn từ rạch Chùa đến đường Mã Lò)
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

[illegible]

[illegible]

Ghi chú: Ngày 23/6/2011, Ủy ban nhân dân thành phố cho phép bỏ Hồ điều tiết và lập lại dự án trình Sở Giao thông vận tải thông qua thiết kế cơ sở để bàn giao ranh cho quận, huyện thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.



Phụ lục 2D.II.6. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH BÀU TRÂU
(đoạn từ kênh Tân Hóa đến kênh Tân Hiệp)
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2D.III.2. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH NHẢY - RẠCH RUỘT NGỰA
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

S TT	Nội dung công việc/Thời gian dự kiến	Trách nhiệm	Năm 2011			Năm 2012						Năm 2013								Năm 2014					
			10	11	12	1	2	...	9	10	11	12	1	2	3	4	5	..	12	1	2	...	10	11	12
1	UBND Quận, Huyện thực hiện công tác GPMB (365 ngày)	UBND Quận, Huyện*																							
2	Chủ đầu tư trình Sở GTVT thẩm định, phê duyet DABT (15 ngày)	Sở GTVT								▲															
3	Chọn Tư vấn, lập + thẩm tra + thẩm định TK bản vẽ thi công (95 ngày)	CĐT và Tư vấn																							
4	Chọn Tư vấn, lập và phê duyet HS mời thầu (25 ngày)	CĐT và Tư vấn																							
5	Tổ chức đấu thầu xây lắp (45 ngày)	CĐT và Tư vấn																							
6	Lập phân luồng giao thông (10 ngày)	CĐT																							
7	Chủ đầu tư trình Sở GTVT phân luồng giao thông và có văn bản chấp thuận (15 ngày)	Sở GTVT																							
8	Chủ đầu tư trình Khu QLGTĐT, Sở GTVT cấp phép thi công và có văn bản chấp thuận (20 ngày)	CĐT, Sở GTVT và KQLGT																							
10	Khởi công, thi công, hoàn thành công trình (dự kiến 540 ngày)	Nhà thầu																							

Ghi chú: Dự án đã được Sở Giao thông vận tải thông qua thiết kế cơ sở. Tháng 11/2010 Ban QLDA đã bàn giao ranh cho Ủy ban nhân dân quận 6, quận 8, quận Bình Tân để thực hiện công tác giải tỏa.



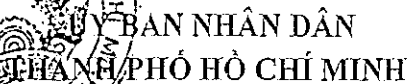
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2D.III.3. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NẠO VẾT, CẢI TẠO RẠCH CẦU SUỐI
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

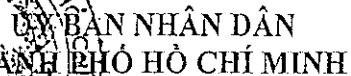
S T T	Nội dung công việc/ Thời gian dự kiến	Trách nhiệm	Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013												Năm 2014			Năm 2015		
			10	11	12	1	..	12	1	2	3	4	5	6	7	8	..	12	1	..	12	1	...	12		
1	UBND Quận 12 thực hiện công tác GPMB (dự kiến 450 ngày)	UBND Quận 12																								
2	Chủ đầu tư trình Sở GTVT thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư (15 ngày)	Sở GTVT							▲																	
3	Chọn Tư vấn, lập + thẩm tra + thẩm định TK bản vẽ thi công (95 ngày)	CĐT và Tư vấn																								
4	Chọn Tư vấn, lập và phê duyệt HS mời thầu (25 ngày)	CĐT và Tư vấn																								
5	Tổ chức đấu thầu xây lắp (45 ngày)	CĐT và Tư vấn																								
6	Lập phân luồng giao thông (10 ngày)	CĐT											▲													
7	Chủ đầu tư trình Sở GTVT phân luồng giao thông và có văn bản chấp thuận (15 ngày)	Sở GTVT												▲												
8	Chủ đầu tư trình Khu QLGTĐT, Sở GTVT cấp phép thi công và có văn bản chấp thuận (20 ngày)	CĐT, Sở GTVT, Khu QLGT													▲											
9	Khởi công công trình (5 ngày)	CĐT + Nhà thầu														▲										
10	Thi công, hoàn thành công trình (dự kiến 540 ngày)	Nhà thầu																								

Ghi chú: Dự án đã được Sở Giao thông vận tải thông qua thiết kế cơ sở. Tháng 04/2011 Ban QLDA đã bàn giao ranh cho Ủy ban nhân dân quận 12 để thực hiện công tác giải tỏa.



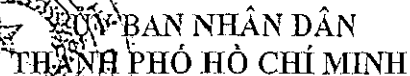
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[illegible]



Phụ lục 2D.III.18: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH XÓM CỬ
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

[illegible]



Phụ lục 2D.III.19: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC RẠCH ÔNG BÉ
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)

[illegible]



**Phụ lục 2D.III.22: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT TRỤC THOÁT NƯỚC
RẠCH TRA - KÊNH XÁNG - AN HẠ - KÊNH XÁNG LỚN
(Theo Phụ lục 2D - Quyết định 26/2011/QĐ-UBND)**

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục: PHÂN KỲ THỰC HIỆN KÊNH, RẠCH NẠO VẾT GIAI ĐOẠN 2011-2015
(Mục 4 - phụ lục 2D – QĐ 26/2011/QĐ-UBND)

VÀ BỔ SUNG DANH MỤC CẢN NẠO VẾT

TT	Danh mục kênh rạch	Địa điểm	Qui mô	Dự kiến tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến nhu cầu vốn từng năm (tỷ đồng)					Ghi chú
					2011	2012	2013	2014	2015	
I	DANH MỤC KÊNH RẠCH (CHƯA CÓ DỰ ÁN) mục 4 - phụ lục 2D									
1	Rạch Dừa	Quận 2	Chiều dài L =1000m Chiều rộng B=4÷10m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	7.20		1.44	5.76			
2	Nhánh rạch dọc đường Nguyễn Văn Hưởng	Quận 2	Chiều dài L =1640m Chiều rộng B=6÷12m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	14.76		2.95	11.81			
3	Rạch Bà Cua	Quận 2	Chiều dài L =3800m Chiều rộng B=20m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	68.40		13.68	54.72			
4	Các Nhánh Rạch Chiếc	Quận 2	Chiều dài L =13.660m Chiều rộng B=15m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	184.41			36.88	73.764	73.764	
5	Nhánh rạch Giồng Ông Tổ	Quận 2	Chiều dài L =4600m Chiều rộng B=12÷15m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	62.10			12.42	49.68		
6	Rạch Cầu Dừa	Quận 4	Chiều dài L =640m Chiều rộng B=6m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	3.46		0.69	2.76			

7	Rạch Bến Ngựa	Quận 7	Chiều dài L=910m Chiều rộng B=3÷18m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	8.19	1.64	6.55			
8	Rạch Bàng	Quận 7	Chiều dài L=3800m Chiều rộng B=8÷20m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	51.30	10.26	41.04			
9	Rạch Cá Cầm	Quận 7	Chiều dài L=600m Chiều rộng B=50÷60m Chiều sâu nạo vét h=2m	43.20		8.64	34.56		
10	Rạch Bà Bướm	Quận 7	Chiều dài L=2960m Chiều rộng B=5÷34m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	53.28		10.66	42.62		
11	Rạch Du	Quận 8	Chiều dài L=1240m Chiều rộng B=11m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	12.28		2.46	9.82		
12	Nhánh rạch Bà Tàng	Quận 8	Chiều dài L=5662m Chiều rộng B=8÷38m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	127.40	25.48	50.958	50.958		
13	Rạch Xuyên Tâm, rạch Cầu Sơn, Cầu Bông	Quận Bình Thạnh	Chiều dài L=11.164m Chiều rộng B=5÷14m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	120.57	24.11	48.22848	48.22848		
14	Rạch Ung Văn Khiêm	Quận Bình Thạnh	Chiều dài L=250m Chiều rộng B=2m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	0.45		0.45			
15	Rạch Văn Thánh	Quận Bình Thạnh	Chiều dài L=2.178m Chiều rộng B=3÷30m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	39.20	7.84	31.36			
16	Rạch Bùi Hữu Nghĩa	Quận Bình Thạnh	Chiều dài L=554m Chiều rộng B=3m Chiều sâu nạo vét h=1,5m	1.50		1.50			

17	Kênh Tân Trụ	Quận Tân Bình	Chiều dài L=1150m Chiều rộng B=5m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	5.18		1.04	4.14			
18	Nhánh rạch Trường Đai	Quận Gò Vấp	Chiều dài L=966m Chiều rộng B=4÷7m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	4.35		0.87	3.48			
19	Rạch Cầu Cụt nhánh 1	Quận Gò Vấp	Chiều dài L=205m Chiều rộng B=2m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	0.37		0.37				
20	Rạch Bà Miêng	Quận Gò Vấp	Chiều dài L=2.403m Chiều rộng B=3÷5m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	10.81		2.16	8.65			
21	Nhánh Rạch Ông Tổng	Quận Gò Vấp	Chiều dài L=1.447m Chiều rộng B=4÷7m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	7.81			1.56	6.25		
22	Rạch Ba Ty	Quận Gò Vấp	Chiều dài L=530m Chiều rộng B=7m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	3.34			0.67	2.67		
23	Rạch Năng (Bà Lựu)	Quận Bình Tân	Chiều dài L=422m Chiều rộng B=4m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	1.52		1.52				
24	Rạch Nhảy (phía thượng lưu)	Quận Bình Tân	Chiều dài L=1084m Chiều rộng B=3÷7m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	4.88		0.98	3.90			
25	Sông Chùa nhánh 1	Quận Bình Tân	Chiều dài L=839m Chiều rộng B=15m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	11.33		2.27	9.06			

26	Kênh Lộ Tè	Quận Bình Tân	Chiều dài L=1967m Chiều rộng B=3m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	5.31		1.06	4.25			
27	Rạch Đuôi Trâu	Quận Bình Tân	Chiều dài L=1130m Chiều rộng B=7m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	7.12		1.42	5.70			
28	Rạch Chùa	Quận Bình Tân	Chiều dài L=580m Chiều rộng B=1m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	0.35			0.35			
29	Kênh Mương Lệ	Quận Bình Tân	Chiều dài L=1200m Chiều rộng B=2m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	2.16			2.16			
30	Rạch Lê Công Phép nhánh 2	Quận Bình Tân	Chiều dài L=556m Chiều rộng B=4m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	2.00			2.00			
31	Nhánh rạch Bà Tiếng	Quận Bình Tân	Chiều dài L=1517m Chiều rộng B=6.5m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	8.87			1.77	7.10		
32	Kênh Mười Xà	Quận Bình Tân	Chiều dài L=600m Chiều rộng B=3m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	1.62			1.62			
33	Rạch Môn	Quận Thủ Đức	Chiều dài L=1400m Chiều rộng B=10m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	12.60			2.52	10.08		
34	Rạch Nước Trong	Quận Thủ Đức	Chiều dài L=2600m Chiều rộng B=6÷10m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	21.06		4.21	16.85			
35	Rạch Ông Lung	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L=1400m Chiều rộng B=5÷6m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	7.56		1.51	6.05			

36	Nhánh rạch Nước Lên	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L = 1500m Chiều rộng B = 20m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	27.00			5.40	21.60		
37	Rạch Nò	Huyện Nhà Bè	Chiều dài L = 1500m Chiều rộng B = 6 ÷ 15m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	16.20		3.24	12.96			
TỔNG CỘNG				959.12		108.74	419.28	357.34	73.76	
II. BỔ SUNG DANH MỤC KÊNH RẠCH CÁN NẠO VÉT										
1	Rạch Ông Dí (phường Thảo Điền)	Quận 2	Chiều dài L = 600m Chiều rộng B = 10m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	5.40	1.08	4.32				
2	Rạch Bà Cà (phường An Bình)	Quận 2	Chiều dài L = 1000m Chiều rộng B = 22m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	19.80			3.96	15.84		
3	Nhánh Rạch Cá Trê Nhỏ (phường Bình Khánh)	Quận 2	Chiều dài L = 1.500m Chiều rộng B = 10 ÷ 30m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	27.00			5.40	21.60		
4	Rạch Đá Đỏ (phường An Phú)	Quận 2	Chiều dài L = 1.600m Chiều rộng B = 20m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	28.80				5.76	23.04	
5	Rạch Ông Hóa (phường Thảo Điền)	Quận 2	Chiều dài L = 700m Chiều rộng B = 10m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	6.30				6.30		
6	Rạch Ông Chua (phường Thảo Điền)	Quận 2	Chiều dài L = 1.200m Chiều rộng B = 40m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	43.20				8.64	34.56	
7	Rạch Ông Sầm	Quận 2	Chiều dài L = 1.100m Chiều rộng B = 8m Chiều sâu nạo vét h = 1 ÷ 1,5m	7.92			7.92			

8	Rạch Bò Đẻ (phường 5)	Quận 8	Chiều dài L = 1.100m Chiều rộng B= 25m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	24.75	4.95	19.80				
9	Rạch Lồng Đèn (phường 7)	Quận 8	Chiều dài L = 1.500m Chiều rộng B= 25m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	33.75			6.75	27.00		
10	Rạch Bến Chùa	Quận 9	Chiều dài L = 1.025m Chiều rộng B= 4÷15m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	9.23		9.23				
11	Rạch Chín Chuyen	Quận 12	Chiều dài L = 320m Chiều rộng B= 4÷6m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	1.44		1.44				
12	Cống Cây Liêm	Quận 12	Chiều dài L = 500m Chiều rộng B= 2÷4m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	1.35				1.35		
13	Rạch Bà Cả Bốn	Quận 12	Chiều dài L = 4.000m Chiều rộng B=10÷30m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	72.00		14.40	57.60			
14	Kênh Đất Sét	Quận 12	Chiều dài L = 300m Chiều rộng B=10÷30m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	5.40		5.40				
15	Kênh Gia Định	Quận 12	Chiều dài L = 1.500m Chiều rộng B=2÷6m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	5.40				5.40		
16	Sông Rống Tùng	Quận 12	Chiều dài L = 2.860m Chiều rộng B= 10÷20m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	38.61		7.72	30.89			

17	Rạch Bảy Còi	Quận 12	Chiều dài L=543m Chiều rộng B=5m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	2.44		2.44				
18	Rạch Ông Học	Quận 12	Chiều dài L=2.000m Chiều rộng B=6m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	10.80		10.80				
19	Rạch Bà Dương	Quận 12	Chiều dài L=900m Chiều rộng B=12÷16m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	12.15				12.15		
20	Rạch Cầu Móng	Quận 12	Chiều dài L=400m Chiều rộng B=5m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	1.80		1.80				
21	Rạch Thợ Bột	Quận 12	Chiều dài L=800m Chiều rộng B=5m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	3.60				3.60		
22	Rạch Bà Cam	Quận 12	Chiều dài L=500m Chiều rộng B=4m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	1.80			1.80			
23	Nhánh rạch Lãng	Quận Bình Thạnh	Chiều dài L=200m Chiều rộng B=4÷6m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	0.90				0.90		
24	Rạch nhánh 1 đường Cộng Hòa	Quận Tân Bình	Chiều dài L=400m Chiều rộng B=4m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	1.44			1.44			
25	Rạch nhánh 2 đường Cộng Hòa	Quận Tân Bình	Chiều dài L=250m Chiều rộng B=3m Chiều sâu nạo vét h=1÷1,5m	0.68				0.68		

26	Rạch Cầu Ngang	Quận Thủ Đức	Chiều dài L = 1.135m Chiều rộng B = 2÷5m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	4.09			4.09			
27	Rạch Ông Dầu - Rạch Đĩa	Quận Thủ Đức	Chiều dài L = 3.700m Chiều rộng B = 12m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	39.96			7.99	31.97		
28	Rạch cầu Ông Bông	Quận Thủ Đức	Chiều dài L = 1.500m Chiều rộng B = 8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	10.80			10.80			
29	Rạch 71/2 (rạch nhỏ)	Quận Thủ Đức	Chiều dài L = 480m Chiều rộng B = 4m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	1.73			1.73			
30	Rạch Hương Việt	Quận Thủ Đức	Chiều dài L = 1060m Chiều rộng B = 20m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	19.08			3.82	15.26		
31	Kênh Trung ương	Huyện Hóc Môn	Chiều dài L = 12.000m Chiều rộng B = 5÷20m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	216.00		54.00	54.00	54.00	54.00	
32	Rạch Bà Bá	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L = 1.350m Chiều rộng B = 20m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	24.30			4.86	19.44		
33	Rạch Ông Đồ (ấp 2 và 3, giáp Tân Túc)	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L = 1.980m Chiều rộng B = 6÷15m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	17.82			3.56	14.26		
34	Rạch Cầu Suối	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L = 6.200m Chiều rộng B = 5÷10m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	44.64			8.93	35.71		

35	Kênh giao thông hào ấp 2	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L = 1.000m Chiều rộng B = 6÷8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	7.20			7.20			
36	Rạch Bà Môn	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L = 2.000m Chiều rộng B = 6÷8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	12.60					12.60	
37	Kênh Miếu Ông Đá	Huyện Bình Chánh	Chiều dài L = 1.000m Chiều rộng B = 4÷5m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	4.50		4.50				
38	Kênh Tiêu Tỉnh Lộ 8	Huyện Củ Chi	Chiều dài L = 3.000m Chiều rộng B = 5÷10m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	21.60	4.32	17.28				
39	Rạch Cây Đào ấp Bồn Phú, xã Trung An	Huyện Củ Chi	Chiều dài L = 210m Chiều rộng B = 8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	1.26		1.26				Huyện quản lý
40	Rạch Chùa, xã Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Chiều dài L = 580m Chiều rộng B = 8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	3.48		3.48				Huyện quản lý
41	Rạch Kiến Vàng	Huyện Củ Chi	Chiều dài L = 375m Chiều rộng B = 8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	2.25		2.25				Huyện quản lý
42	Rạch Ông Bui, xã Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Chiều dài L = 155m Chiều rộng B = 8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	0.93		0.93				Huyện quản lý
43	Rạch Bà Tạo, xã Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Chiều dài L = 190m Chiều rộng B = 8m Chiều sâu nạo vét h = 1÷1,5m	1.14		1.14				Huyện quản lý
TỔNG CỘNG (DỰ KIẾN)				799.33	10.35	162.19	196.70	208.68	221.40	